

An aerial photograph of a river with numerous sandbars and small islands. The water is a deep greenish-brown, and the sandbars are light brown. The text is overlaid on the image.

tài liệu
provip

NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ

p Sưu tầm và biên soạn bởi @pipistudi

Lời nói đầu

Hellu mấy đứa, chị là Pipi - chị của các em và cũng là người biên soạn ra cuốn tài liệu dưới đây.

Một chút background (môn Văn) của chị:

Chị từng là thành viên đội tuyển Văn cấp Quận và cấp Thành phố khi học cấp 2. Thành tựu cũng không to nên me khum khoe. Chỉ muốn nói là chị đã có yêu thích và sở trường môn học này từ cấp 2. Khi chị lên cấp ba thì cũng có tham gia đội tuyển nhưng bỏ giữa chừng. GPA môn Văn trong ba năm của chị chưa từng dưới 9.0. Và thành quả chị tự hào nhất là điểm 9,25 môn Văn trong kỳ thi THPTQG. Chị có thể không phải một người học văn xuất chúng, một người có chuyên môn có tài năng ở môn Văn và thậm chí những thành quả của chị chỉ dựa vào may mắn.

Tuy nhiên từ khi chị còn chưa được điểm này, cũng có nhiều bạn đồng trang lứa, các em đã nhận và có phản hồi tích cực. (Có thể xem ở Story highlight của tui nhé).

Của ít lòng nhiều, tui xin phép tặng lại bảo bối giữ kín của tui để hy vọng cột sống khi học môn Văn sẽ bớt đau khổ hơn, bớt gian nan hơn. Hy vọng mọi người sẽ nhìn nó là một món đồ truyền từ người thi trước và cũng có thành tựu chun chút thay vì là một bài giảng chuyên nghiệp từ thầy cô nhiều năm trong nghề. Tui muốn gửi tặng tài liệu như món quà, như một sự giúp đỡ cho các tín hiệu cầu cứu nên đừng quá khắt khe với những sự thiếu hoàn hảo của tui nhé.

Một chút credit là tui được học và truyền cảm hứng rất nhiều từ cô Phương (Tuyensinh247), cô Nguyệt Hà và cô Kim Anh (Giáo viên Văn của tui ở cấp 3 Nguyễn Tất Thành); cùng rất nhiều tài liệu tui đọc được nữa.

Để cảm ơn tui có thể donate về mặt tinh thần bằng việc:

- Follow tui trên IG ik mò: @pipistudi
- Follow cả trên Tiktok nữa: @pipistudi
- Tặng tui một chú subscribe tại Diu Túp: Pipi Studi

Và nếu tài liệu từ mồ hôi, công sức, chất xám, nước bọt trong quá trình tui biên tập khiến cột sống học Văn của mọi người dễ dàng hơn thì hãy donate về mặt vật chất để cột sống của tui cũng thư thả hơn nhé!

Của ít lòng nhiều 5k tui cũng thấy sướng í Kiki, hãy giúp tuổi vượt qua nạn đói năm nhất nha

MOMO: 0967678680 NGUYỄN HIẾU MINH

NGÂN HÀNG: TP Bank 03893132001 NGUYEN HIEU MINH

Người lái đò sông Đà

N g u y ễ n T u â n

Kể cả trước đây và mãi sau này, những người nghệ sĩ cứ hát mãi khúc ca về những dòng sông. Hoàng Cầm hát về sông Đuống "nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì", Văn Cao hát về sông Lô với điệu hồn hùng tráng, Hoàng Phủ Ngọc Tường lại đưa sông Hương vào điệu hồn êm dịu.

Nguyễn Tuân đã từng chọn câu của Paul Morand làm đề từ cho tác phẩm "Thiếu Quế Hương" của mình:

"Ta muốn sau khi ta chết, có người thuộc da ta làm chiếc va ly"

Nguyễn Tuân dứt khoát khẳng định:

"Đứng về phương diện một người lấy sự hoàn toàn phát triển giác quan của mình là lẽ chính cuộc sống" thì "không gì thiết thòi bằng trung thành với một chỗ ở".

Trong sự nghiệp sáng tác nghệ thuật của Nguyễn Tuân, khi tìm hiểu về những tác phẩm của ông, có thể nhận ra một điều đó là 2 nội dung chi phối trong những tác phẩm của ông đó là "hoài cổ và xê dịch", ông ha đi, luôn luôn muốn được trải nghiệm những điều mới mẻ. Cũng chính vì nguyên cớ này năm 1958, Nguyễn tuân đã lên đường, ngược về vùng núi cao Tây Bắc để "gặp, làm quen, hiểu và viết về sông Đà". Chuyến đi thực tế này được ông ghi lại một cách "tuyệt đẹp" qua tùy bút "Sông Đà". Để lại nhiều ấn tượng nhất có lẽ là hình ảnh ông lái đò sông Đà qua thiên tùy bút này.

TIỂU DẪN.

TÁC GIẢ (1910 – 1987)

CUỘC ĐỜI

- Xuất xứ: gia đình nhà nho nghèo, vào thời kì Hán học đã suy tàn.
- Thân sinh của nhà văn là cụ Nguyễn An Lan (tức cụ Tú Hải Văn), một nhà nho tài hoa đậu thi khoa Hán học cuối cùng, đồng thời cũng là người ảnh hưởng lớn nhất đến hồn văn của Nguyễn Tuân sau này.

CON NGƯỜI

- Là một trí thức giàu lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. Lòng yêu nước của ông có những nét riêng, gắn bó với những giá trị văn hóa cổ truyền của dân tộc: tìm về những phong tục tập quán đẹp của quê hương đất nước.
- Là người có ý thức cá nhân rất cao. Ông viết văn trước hết để khẳng định cá tính của mình; ông ham du lịch; ông tự gán cho mình một chứng bệnh gọi là **chủ nghĩa xê dịch**, chủ trương đi để **thay thực đơn cho giác quan**.
- Là người rất mực tài hoa, uyên bác, am hiểu hầu hết về tất cả các lĩnh vực văn hóa như: hội họa, điện ảnh, âm nhạc, võ thuật, sân khấu kịch,...
- Là một nhà văn quý trọng thực sự nghề viết. Ông được mệnh danh là **định nghĩa của người nghệ sĩ**.
- Nguyễn Tuân cho rằng, lao động nghệ thuật cần phải cực kỳ tận tâm và nghiêm túc, thậm chí là "khổ hạnh" thì mới có thể cho ra đời những tác phẩm có giá trị.



"Nguyễn Tuân - một cây bút vốn luôn khao khát những cảm giác, cảm xúc mới lạ, nồng nàn, say đắm..."

- GS. Nguyễn Đăng Mạnh

"Đây là nhà văn suốt đời đi tìm cái đẹp, cái thật. Là người sinh ra để tôn thờ Nghệ Thuật với hai chữ viết hoa"

- Nguyễn Đình Thi

PHONG CÁCH NGHỆ THUẬT

a. Những phong cách ổn định, thống nhất trong cả hai giai đoạn.

- Tiếp cận mọi sự vật ở phương diện văn hóa, mỹ thuật để khám phá, phát hiện, để khen – chê.
- Luôn nhìn con người ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ và sáng tạo nên những con người tài hoa, nghệ sĩ.
- Vận dụng tri thức của nhiều ngành văn hóa, nghệ thuật khác nhau để quan sát hiện thực và sáng tạo hình tượng.
- Thường tô đậm cái phi thường, xuất chúng gây cảm giác mãnh liệt.
- Có một kho từ vựng phong phú, một khả năng tổ chức câu văn xuôi đầy giá trị tạo hình có nhạc điệu trầm bổng, biết co duỗi nhịp nhàng.

Tố Hữu đã nhận xét NT là

“Người thợ kim hoàn của chữ”
 “Chuyên viên cao cấp Tiếng Việt”

b. Chuyển biến trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân sau CMT8

Trước Cách Mạng	Sau Cách mạng
Sự đối lập giữa quá khứ, với hiện tại và tương lai	Tìm thấy sự thống nhất giữa quá khứ, hiện tại và tương lai
Tìm thấy chất tài hoa, nghệ sĩ ở những nhân vật phi thường (nhân vật đặc tuyển)	Phát hiện chất tài hoa nghệ sĩ ở những người dân bình thường trên mọi lĩnh vực của cuộc sống
Thử sức ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tùy bút, truyện ma	Phát huy sở trường ở thể loại tùy bút

TÁC PHẨM

HOÀN CẢNH SÁNG TÁC:

- Xuất xứ: tập tùy bút **SÔNG ĐÀ** (1960) – là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi.
- Không chỉ để thỏa mãn cái thú tìm đến những miền đất lạ cho thỏa niềm khát khao “xê dịch”, nhà văn tìm kiếm chất **vàng** của thiên nhiên Tây Bắc và đặc biệt phát hiện **chất vàng mười đã qua thử lửa** của tâm hồn của những con người lao động và chiến đấu trên miền núi sông hùng vĩ và thơ mộng đó.

VỊ TRÍ:

- Tùy bút “**NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ**” là một trong 15 tùy bút thuộc tập “**SÔNG ĐÀ**” – được coi là một trong những áng văn xuất sắc nhất, thể hiện tập trung nhất phong cách nghệ thuật của NT sau CMT8
- Tác phẩm vừa là một công trình khảo cứu công phu, vừa là áng văn giàu thẩm mỹ về sông Đà và người lái đò sông Đà.

THỂ LOẠI: TÙY BÚT

- Thuộc thể loại **KÍ VĂN HỌC**, có sự kết hợp giữa ghi chép khách quan về con người, sự vật, cảnh vật gắn với việc thể hiện tư tưởng chủ quan của người viết.

Đặc điểm:

- Tự do, phóng túng, hầu như không có luật lệ, quy phạm chặt chẽ.
- Tính chủ quan, chất trữ tình rất đậm. Sức hấp dẫn của tùy bút tùy thuộc vào sức hấp dẫn của cái tôi tác giả. Nguyễn Tuân gọi tùy bút là “**chơi lối độc tấu**”.

LỜI ĐỀ TỪ

Đẹp vậy thay, tiếng hát trên dòng sông

- Câu thơ cảm thán thể hiện niềm say mê, ngưỡng mộ trước vẻ đẹp thiên nhiên và con người lao động. Câu thơ có thể là:
 - Câu hát của những người chèo đò, kéo thuyền vượt thác với tâm hồn lạc quan, yêu thiên nhiên, yêu lao động
 - Sự ngợi ca của chính nhà văn trước tư thế làm chủ thiên nhiên của con người trong cuộc sống mới.
- **Góp phần thể hiện cảm hứng chủ đạo của tác phẩm: Tình yêu đắm say cùng sự ngưỡng mộ sâu sắc của nhà văn với thiên nhiên và con người Tây Bắc.**

Chúng thủy giai đông tấu, Đà giang độc bắc lưu

Nguyễn Quang Bích

- Hai câu thơ hướng người đọc tới nét độc đáo, thậm chí là cá tính ngỗ ngược của con sông Đà.
 - **Khơi gợi những thú tìm kiếm, khám phá cho người viết và sự chú ý của người đọc.**
 - **Phô bày cá tính nghệ thuật độc đáo của nhà văn.**

ĐỌC - HIỂU TÁC PHẨM.

Hình tượng sông Đà.

- Qua ngòi bút của Nguyễn Tuân, sông Đà hiện lên như một công trình mỹ thuật kì vĩ, tuyệt vời của hóa công, với hai ấn tượng sâu đậm: **dữ dằn hung bạo** và **thơ mộng trữ tình**.
- Khám phá con sông như một sinh thể, một nhân vật, nhà văn đã huy động tối đa trí tưởng tượng, sức sáng tạo để dựng nên một hình tượng đầy sức hấp dẫn: **cổ lai lịch, vóc dáng**, thậm chí **có cả tính cách, tâm địa hiểm độc**.

TÍNH CÁCH HUNG BẠO

Tính cách hung bạo thực chất là vẻ đẹp hùng vĩ của dòng sông, dường như tất cả những gì thuộc về Đà giang đều dữ dội từ địa hình đến sức nước. Nhưng dữ dội và hiểm nguy nhất là ở quãng sông hẹp với đá bờ sông **dựng vách thành**, quãng mặt ghềnh Hát Loóng, quãng Tà Mường Vát và cái thác dưới.

LIÊN HỆ: Ca dao.

Đường lên Mường Lễ bao xa

Trăm bảy cái thác, trăm ba cái ghềnh.

Ngòi bút của Nguyễn Tuân như muốn đưa tài cùng hóa công để dựng nên chân xác nhất mà ấn tượng nhất về đẹp hùng vĩ của con sông. Nếu như sông Đà trong hành trình lưu chuyển của nó ra sức tung phá những ngón đòn độc dữ nhất thì ngòi bút của Nguyễn Tuân cũng thỏa sức tung hoành trong dòng thác ngôn từ cùng những cảm xúc, cảm giác mãnh liệt.

a. Cảnh đá bờ sông dựng vách thành.

- Cảnh đá nơi bờ sông được nhà văn miêu tả qua hình ảnh so sánh: **dựng vách thành**. Những bức tường thành đá dựng đứng, uy nghi, sừng sững giữa đất trời đã đặc tả sống động độ cao của vách đá.
 - Hình ảnh ẩn dụ: **vách thành** – thể hiện sự vững chãi, thâm nghiêm và những sức mạnh bí ẩn đầy đe dọa của sông Đà với vách đá như thành cao, vực thẳm như hào sâu.
- Ở vế câu sau, nhà văn bổ sung thông tin tiếp theo: **mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời**. Hai vế câu ngữ không ăn nhập với nhau lại góp phần tạo ấn tượng: đá phải thật cao, sông phải thật hẹp thì khi mặt trời lên thiên đỉnh mới chiếu sáng được mặt sông.
 - **Chỉ với một câu văn, NT đã giúp người đọc hình dung không chỉ độ cao của đá mà còn cảm nhận được rõ nét cái tối, cái lạnh lẽo, âm u của khúc sông.**
- Để người đọc những hình dung và cảm nhận cụ thể hơn về **SỰ NHỎ HẸP** của lòng sông, nhà văn cung cấp tiếp tới 3 thông tin:

“Cổ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia.”

- Độ hẹp của lòng sông khi bị những vách đá lớn bên bờ chèn ép tới nghẹt thở còn được tái hiện một cách tài hoa khi nhà văn sử dụng động từ **“CHẸT”** trong một hình ảnh so sánh rất ấn tượng về cái yết hầu.
- Chưa thỏa mãn với sự miêu tả, cách miêu tả độc đáo của NT ở câu văn tiếp đã đưa người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác.
- Vì quãng sông nhỏ hẹp nên lúc nào cũng tối, âm u, hoang lạnh, đặc tả cái tối và hoang lạnh đó, nhà văn liên tưởng
 - con sông tối một cái hè ngõ nào,
 - vách đá giống như những nhà cao tầng nào,
 - và cái tối của con sông khiến con người đô thị hiện đại trải nghiệm cảm giác bất ngờ bị **tắt phụt đèn điện**.
- **So sánh liên tưởng THÚ VỊ và BẤT NGỜ: kéo gần thế giới tự nhiên hoang sơ của sông Đà đến với con người đô thị hiện đại.**

b. Quãng mặt ghềnh Hát Loóng.

“Lại như quãng mặt ghềnh Hát Loóng, dài hàng cây số nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuộn cuộn luồng gió gùn ghè suốt năm như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy. Quãng này mà khinh suất tay lái thì cũng dễ lật ngửa bụng thuyền ra.”

- Được nhà văn miêu tả bằng hai câu văn đầy ấn tượng, phát huy tối đa tác dụng của rất nhiều yếu tố nghệ thuật:
 - Nhịp văn ngắn, nhanh, dồn dập.
 - Sự xuất hiện dày đặc của các thanh sắc.
 - Điệp từ **xô** lấy lại tới 3 lần, kết hợp với biện pháp điệp liên hoàn các vế câu chống chất: **nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió.**
- **Gây ấn tượng về những chuyển động vĩnh hằng và sức mạnh khủng khiếp của thiên nhiên, ghềnh thác.**
 - Kết cấu ngôn ngữ đặc sắc như **mô phỏng hình ảnh những con sóng dữ** cuộn cuộn chồm lên nhau thoe chiều ngang, vút lên cao theo chiều dọc rồi đổ ập xuống, trùng điệp ghè rợn trên mặt ghềnh.
- **Gợi lên trước mắt người đọc một thước phim ngắn với hình ảnh trung tâm là những con sóng cuộn cuộn, chống lên nhau, vút lên cao rồi đổ ập xuống trùng trùng điệp điệp.**

Liên hệ: THU HỮNG - ĐỒ PHẪU.

Giang gian ba lừng kiêu thiên dũng
(Giữa lòng sông sóng vọt lên tận lưng trời)

- Tác giả còn nhân cách hóa con sông như một kẻ chuyên đi đòi nợ dãi dằn: như lúc nào cũng đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò Sông Đà nào tóm được qua đấy.
- **Tăng sức mạnh khủng khiếp của sóng nước Sông Đà. Ngày đêm, con sông ấy hăm dọa, uy hiếp tính mạng con người, đặc biệt là những người lái đò xuôi ngược qua quãng sông.**

c. Quãng Tà Mường Vát. (cái hút nước)

Đem lại ấn tượng mạnh mẽ hơn nữa cho sự hung bạo của con sông là hình ảnh những cái hút nước ghê rợn.

- Để gợi **ĐỘ SÂU** và độ xoáy của hút nước Đà giang, tác giả so sánh với *cái giếng bê tông thả xuống sông để chuẩn bị làm móng cầu*.
- Độ sâu hun hút của những cái hút nước, để mà rừng mình ớn lạnh bởi hút nước càng sâu, nguy hiểm ẩn tàng càng lớn. Đó là những cái bẫy chết người mà sông Đà giăng giữa lòng sông.
- Để tăng thêm ấn tượng về sự khủng khiếp của những cái hút nước, nhà văn đi vào đặc tả **ÂM THANH** của tiếng nước.

“Nước ở đây thở và kêu như cửa cống cái bị sặc”
“...Những cái giếng sâu nước ặc ặc lên như vừa rót dầu sôi vào”

Hai biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa được sử dụng cùng một lúc khiến hiệu quả gợi âm thanh và gợi hình, gợi cảm xúc càng được nhân lên.

→ **Âm thanh của tiếng nước khiến người đọc liên tưởng tới con thủy quái đang quần quai, giãy giụa vì bị bóp cổ.**

- Hình ảnh liên tưởng đến **quãng đường mượn cạp ra ngoài bờ vực** đã giúp người đọc dễ dàng hình dung ra cảm giác hãi hùng nếu phải đi thuyền men gần cái hút nước đáng sợ ấy.
- Không gì thuyết phục hơn khi khắc họa sự hung hãn, ghê rợn của những cái hút nước qua **HẬU QUẢ** mà nó gây ra.

“Nhiều bè gỗ rừng đi nghênh ngang vô ý là những cái giếng hút ấy nó lôi tuột xuống.”
“Có những thuyền đã bị cái hút nó hút xuống, thuyền trồng ngay cây chuối ngược rồi vụt biến đi, bị dìm và đi ngầm dưới lòng sông đến mươi phút sau mới thấy tan xác ở khuỷnh sông dưới.”

- Đó là những hình ảnh chỉ có trong tưởng tượng nhưng lại đưa đến một ấn tượng thật sâu đậm về những sức mạnh khủng khiếp hút nước sông Đà.

- Hàng loạt động từ chỉ diễn biến nhanh, mạnh của hoạt động đã được huy động trong các câu văn: **hút xuống, vụt biến, bị chìm, đi ngầm, tan xác.**

→ **Diễn tả sự “xấu số” của con thuyền và sự “tàn nhẫn” của những cái hút nước sông Đà**

- Ấn tượng mạnh nhất nhà văn tạo ra về cái hút nước chính là nhờ **KỸ THUẬT QUAY NGƯỢC CỦA ĐIỆN ẢNH**. Nhà văn đã dựng dậy một cảm giác khác thường, mãnh liệt khi đặt người đọc vào vị trí của người quay phim và người xem để trải nghiệm cảm giác ly kì chỉ có trong giả tưởng.
- Đặt máy quay xuống đáy cái hút sông Đà, ống kính nhà văn không chỉ thu được độ cao (cũng là chiều sâu) của hút nước mà còn thu được cả độ xoáy, hình khối, màu sắc của dòng nước:

“Cái thuyền xoay tít, những thước phim màu cũng quay tít, cái máy lia ngược contre-plongée lên một cái mặt giếng mà thành giếng xây toàn bằng nước sông xanh ve một áng thủy tinh khối đúc dày, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào cả máy cả người quay phim cả người đang xem.”

- Tài tình hơn nữa, nhà văn đã truyền tải một cách sinh động những cảm giác hãi hùng, kinh sợ, cho cả người quay phim, người xem lẫn người đọc khi lạc vào cái hút nước của Đà giang. Trong khoảnh khắc, tất cả xoáy tít: **Cái thuyền quay tít, những thước phim màu cũng quay tít, khối pha lê xanh như sắp vỡ tan ụp vào...**

→ **Người đọc cũng có chung cảm giác với người quay phim, người xem: NGỘP THỞ, KINH HOÀNG.**

NHẬN XÉT

Vận dụng tri thức của rất nhiều ngành khác nhau: **xây dựng, giao thông, điện ảnh**, nhà văn đã truyền tới cho người đọc những cảm nhận chân thực nhất mà cũng hãi hùng nhất **sự khủng khiếp của những cái hút nước** hung bạo, cuồn cuộn.

d. Cái thác dưới.

Dụng công nhất và tài tình nhất của nhà văn khi bắt sông Đà hiện nguyên hình là một hung thần, kẻ thù số một của con người, chính là đoạn văn miêu tả cái thác dưới. Đây là những **trang hoa, tờ hoa**, kết tinh tài năng, tâm huyết, tấm lòng NT.

Nhà văn miêu tả cái thác dưới theo trật tự từ **xa** đến **gần**, từ cảm nhận của **thính giác** đến cảm nhận của **vị giác, xúc giác**. Từ đó, không chỉ diện mạo, tính cách mà cả tâm địa của con sông đã được khắc họa sinh động.

✧ *Thác dưới khi còn xa.*

“Còn xa lắm mới đến cái thác dưới. Nhưng đã thấy tiếng nước réo gần mãi lại réo to mãi lên. Tiếng nước thác nghe như là oán trách gì, rồi lại như là van xin, rồi lại như là khiêu khích, giọng gằn mà chế nhạo.

Thế rồi nó rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng. Tới cái thác rồi.”

- Lí Bạch “khi xa ngắm thác núi Lư” đã vô cùng phấn khích mà tạc dựng vào văn chương một dòng thác kì vĩ treo giữa trời mây:

Xa trông dòng thác nước sông này

Nước bay thẳng xuống ba nghìn thước

Tường dải ngân hà tuột khỏi mây.

(Vọng Lư sơn bộc bố)

- Cũng ở khoảng cách xa nhưng chưa nhìn thấy thác, bậc phù thủy ngôn từ Nguyễn Tuân chỉ qua âm thanh của tiếng nước mà dựng dậy vô cùng ấn tượng sự hung bạo của Sông Đà.

- Nghệ thuật nhân hóa đã thực sự biến thác nước sông Đà thành một sinh thể sống đang giận dữ, gầm gào, đe dọa con người cả khi nó chưa xuất hiện.
 - Những động từ mạnh có tính chất tăng tiến về mức độ âm thanh được nhà văn lựa chọn. Đó là tiếng nước ***réo gần mãi, lại réo to mãi lên, rồi bất ngờ rống lên.***
 - Không chỉ tăng dần về âm lượng, âm thanh nước thác còn tăng dần về sắc thái cảm xúc với một loạt từ chỉ hành động tâm lí con người: ***oán trách, van xin, khiêu khích, chế nhạo.***
- Đặc sắc nhất là phép so sánh kì thú âm thanh man dại của thác nước với tiếng gầm thét điên cuồng của một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu rừng tre nứa nổ lửa,..., rừng lửa cùng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng.
 - Những âm thanh man dại, bản năng của một loài động vật hung dữ đang cuồng loạn tìm lối thoát thân, lại kết hợp với âm thanh của những thân cây vầu, tre khô, nổ dữ dội trong biển lửa.
- **Sức mạnh hoang dã của thiên nhiên qua ngòi bút nhà văn gợi đến MỘT TRẬN ĐỘNG RỪNG, HAY MỘT TRẬN NÚI LỬA PHUN TRÀO THỜI TIỀN SỬ.**
- Người đọc ngỡ như thấy mình ngược thời gian, trở về với buổi hồng hoang thuở nào.
- Liên tưởng độc đáo của nhà văn đã đẩy cảm xúc của độc giả tới độ căng thẳng khi thị giác hóa vô cùng sinh động âm thanh nước thác sông Đà. NT đã *chơi ngôn bằng chữ nghĩa* khi dùng **lửa** để tả **nước**, lấy **rừng** để tả **sông**, dùng **hình ảnh** để gợi tả **âm thanh**.
- Những câu văn dài, vế câu liên tiếp gợi cảm giác lấn lướt, dồn đuổi của rừng lửa đang bao vây xung quanh.

NHẬN XÉT:

- Sử dụng một loạt các từ ngữ chỉ hành động và trạng thái con người để gợi tên và miêu tả tiếng nước thác, NT cho thấy khả năng tưởng tượng và cách sử dụng ngôn ngữ bậc thầy của mình.
- Tất cả **sự gớm ghiếc, hung bạo, dữ tợn** của sông Đà đã được hiện hình trên trang giấy.

✧ *Khi tới thác.*

Thác dưới khi còn xa qua âm thanh đã gợi lên sự dữ dội, tạo cảm giác hồi hộp và gây hứng thú đặc biệt cho người đọc, **nhưng đó chỉ là bước tạo đà**, tạo tâm thế cho người đọc chuẩn bị đến với những gì hiểm trở nhất, hung bạo nhất, độc dữ nhất của con sông.

Ở những trang văn này, ngòi bút NT tiếp tục đưa tài với tạo hóa để dựng nên hoàn chỉnh bức chân dung về kẻ thù số một của con người, qua **đội quân đá dữ dằn** và **đội quân nước bạo liệt**.

Ấn tượng đầu tiên.

Khi thác hiện ra, nhà văn đã thốt ra tiếng reo ngỡ ngàng thích thú:

Tới cái thác rồi.

ông đã đồng thời tả cả đá và nước thác trong hình ảnh:

Sóng bọt đã trắng xóa cả một chân trời đá.

- Tính từ **trắng xóa** lặp lại nhiều lần gây ấn tượng mạnh về sóng, về gió, về bọt nước trào sôi mãnh liệt: gợi tả làn hơi nước như mờ đi trên mặt sóng, trên mặt sông rộng mênh mông.
- Chân trời **đá**: hiện ra sự hùng vĩ choáng ngợp của thác đá sông Đà, đá bạt ngàn khắp mọi nơi.

Khác với đá bờ sông dựng vách thành ở quãng sông trên, dưới mặt nước dữ ở quãng sông này là hàng ngàn đá hòn, đá tảng, **từ ngàn năm vẫn mai phục hết trong lòng sông**, dàn bày thạch trận.

→ **Nhà văn đã dùng sức mạnh điêu khắc của ngôn từ để thổi hồn vào từng thế đá, con nước, khiến chúng hiện lên trong diện mạo hung tợn của những kẻ lưu manh côn đồ, và trong tâm địa hiểm ác của loài ác thú.**

Trùng vi thạch trận thứ nhất.

Đội quân đá.

- Tùy theo hình dạng, kích thước của đá, qua cái nhìn độc đáo của nhà văn mà hình hài, dáng vẻ của chúng được nhân hóa như là lính thủy nên:

“Mặt hòn đá nào trông cũng ngổ ngạo, hòn nào cũng nhẵn nhúm méo mó hơn cả mặt sông chỗ này”

- Một loạt các từ láy giàu chất tạo hình đã dựng nên một khuôn mặt chung đội quân đá SĐ: **hung tợn – dữ dằn.**

- Ở góc quay cận cảnh, mỗi hòn, mỗi tảng lại có gương mặt riêng:

- Có hòn ông miêu tả **bề ngoài** “oai phong, lẫm liệt”. Vẫn là thủ pháp nhân hoá để diễn tả sự tự tin, hống hách, thị uy bề trên đối với con thuyền của ông lái đò.
- Có hòn nhà văn lại miêu tả đặc điểm tính cách bên trong “Một hòn ấy trông nghiêng thì y như là đang hất hàm hỏi cái thuyền phải xưng tên tuổi trước khi giao chiến”.
- Với nghệ thuật nhân hoá đó, NT lại miêu tả được sự XÁC XƯỚC, THÁCH THỨC, khắc họa vào thiên nhiên cái THÓI DU CÔN “*Một hòn khác lùi lại một chút và thách thức cái thuyền có giỏi thì tiến gần vào*”.

→ **Cả một chân trời đã dàn đầy với hàng ngàn vẻ, dáng không lặp lại.**

Không chỉ hấp dẫn, lôi cuốn người đọc bởi cách liên tưởng, miêu tả tài tình sắc diện của đá, nhà văn còn khiến độc giả ngỡ ngàng, thán phục khi phát hiện, lột mặt **tâm địa vô cùng độc ác** của đá nơi lòng sông.

- Những đá to, đá nhỏ im lìm ghim xuống lòng sông, dưới cái nhìn của người nghệ sĩ tài hoa là cả một **thạch trận dàn bày** với một thế trận vô cùng bài bản, lớp lang.

“Nhưng hình như Sông Đà đã giao việc cho mỗi hòn. Mới thấy rằng đây là nó bày thạch trận trên sông”

- Đá ở đây được bày binh bố trận theo binh pháp của Tôn Tử: Ở vòng đầu này, sông mở ra **5 cửa trận, gồm 4 cửa tử và 1 cửa sinh**. Cửa sinh nằm lập lờ phía tả ngạn sông. Xác suất để đi trúng vào luồng sinh ấy là rất ít. Mà vào được luồng sinh ấy là còn phải chiến đấu với đủ tướng dữ quân tợn nơi thác đá sông Đà.
- Để vào được cửa sinh ấy, chiếc thuyền phải vượt qua trận địa đá chia làm ba tuyến đã được dàn trận địa sẵn:

“Đám tảng đá hòn chia làm ba hàng chặn ngang trên sông đòi ăn chết cái thuyền, một cái thuyền đơn độc không còn biết lùi đi đâu để tránh một cuộc giáp lá cà có đá dàn trận địa sẵn”

- **Tiền vệ:** luôn có hai hòn **tỏ ra sơ hở** có vai trò dụ thuyền đối phương đi vào sâu hơn nữa.
- **Tuyến giữa:** khi con thuyền đang mất cảnh giác, đá sẽ phối hợp với nước sóng **đánh khuỷu quẹt vu hồi lại**. (đánh úp, đánh lén từ phía sau).
- **Hậu vệ:** một hệ thống **bom ke chìm và pháo đài nổi**, (đá chìm đá nổi) có nhiệm vụ đánh tan cái thuyền, tiêu diệt tất cả thuyền trưởng, thủy thủ ngay dưới chân thác.

Đội quân nước:

Sức mạnh vô song của những con thác sông Đà chính là ở sự phối hợp giữa đội quân đá và đội quân nước. Để chứng minh cho sức công phá khủng khiếp đó, hình ảnh đoàn quân nước dưới ngòi bút của NT hiện lên cũng vô cùng **hung tợn, hiếu chiến**.

- Đóng vai trò không nhỏ trong trận thủy chiến, nước sông Đà được giao nhiệm vụ phối hợp với đá, reo hò làm thanh viện cho đá, đồng thời cũng đang uy hiếp tinh thần của đối phương.

Nước thác hò la vang dậy... cả một trời thanh la náo bạt.

- Không chỉ hò reo cổ vũ, dòng nước cũng bắt đầu độc lập tác chiến bằng những miếng đòn hiểm để tấn công con thuyền. Càng lúc nó càng hiếu chiến, dữ dội hơn: **ùa vào bẻ gãy cán chèo** trên tay ông lái. Nếu như không có mái chèo, chắc chắn con thuyền sẽ đi vào chỗ chết.
- Tất cả các luồng nước từ tứ phía như thể quân liều mạng lao vào sát con thuyền, mà đá trái, mà thúc gối vào bụng vào hông thuyền. Có lúc chúng đội cả thuyền lên.
- Nước thác như thể đồ vật, đòi **túm lấy thắt lưng ông đò** và **lật ngửa bụng thuyền ra**. Từ chỗ tấn công mái chèo và con thuyền, nó đã tấn công thẳng vào ông lái đò bằng miếng đòn hiểm độc nhất để mau chóng kết thúc cuộc chiến.

Sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò.

Nhận xét

- Qua cách miêu tả của NT về dòng sông Đà ở trùng vi thạch trận thứ nhất, ta thấy sông Đà hiện ra ở đây nham hiểm, xảo quyệt, hung bạo, trực chờ ăn chết con thuyền của người lái đò, và đây đúng là một cuộc đấu không cân sức giữa **thiên nhiên man dại** và **con người lao động** nhỏ bé, đời thường.

Trùng vi thạch trận thứ hai.

Đội quân đá:

- Vì đã thua trong lần giao tranh trước, lần này nó đã đổi ngay chiến thuật – tăng thêm nhiều cửa tử để đánh lừa con thuyền vào. Cửa sinh lại bố trí lệch qua phía bờ hữu ngạn.
- Cửa sinh lần này cũng không dễ vượt qua bởi có **thằng đá tướng** đứng chiến ở giữa – là viên đá tinh nhuệ, vững chãi nhất, ở tư thế luôn luôn chủ động nghênh chiến.

Đội quân nước

- Dòng thác hùng beo đang hồng hộc tể mạnh trên sông đá.
 - Dòng thác mang tốc độ chảy như tốc độ chạy của loài hổ báo.
 - Dòng thác ấy lao thật nhanh, lao hết tốc lực, trên dòng sông đá với hệ thống đá nổi đá chìm, ẩn chứa vô vàn nguy hiểm đang chờ đợi người lái đò.
- Không chỉ phải nghênh chiến với dòng chính, người lái đò cũng phải đối phó với những dòng phụ:

Bốn năm bọn thủy quân của ả nước bên bờ trái liên xô ra định nứu thuyền lôi vào tập đoàn của tử.

- Đó là những luồng nước rất mạnh nên có khả năng lao ra với tốc độ rất nhanh, nhằm lôi con thuyền đưa vào cửa tử.

→ **Có thể nói, ông đò đi trên đoạn thác này như thể đang phải đối mặt với thần chết.**

Trùng vi thạch trận thứ ba

- Vì đã thua ông lái đò ở hai trận giao tranh trước nên ở vòng vây này, đá và nước thác càng trở nên điên cuồng dữ dội. Mục tiêu tận diệt của đá thác sông Đà đã bị phơi bày khi trùng vây thứ ba được mở ra. Ở vòng vây này:

“ít cửa hơn nhưng bên phải bên trái đều là luồng chết cả. Cái luồng sống ở chặng ba này lại ở ngay giữa bọn đá hậu vệ của con thác.”

- Bọn đá hậu vệ ở đây giống như một bức thành đồng kiên cố - có nhiệm vụ ngăn chặn không cho con thuyền đối phương đi qua. Xuyên qua được hàng đá hậu vệ này, có thể nói cơ hội sống sót của ông đò là cực kì mong manh.

NHẬN XÉT:

- Đá sông Đà qua ngòi bút NT đã trở thành những chiến binh vô cùng thiện chiến. Trí tưởng tượng phong phú cùng kho chữ nghĩa giàu có còn đem đến cho độc giả những thước phim quý giá về sự dữ dằn và ranh mãnh của đá khi miêu tả cận cảnh.
- Trên cơ sở những quan sát thực tế, NT đã gợi dậy cái bí ẩn hiểm ác của đá SĐ trong sự vĩnh hằng của thiên nhiên khi ***ngàn năm mai phục***, khi dữ dằn đột ngột hiện ra sau cái dập dềnh của sóng để ***nhóm cả dậy vỗ lấy thuyền...***
- Một loạt thuật ngữ ***quân sự, thể thao, võ thuật*** cùng hệ thống dày đặc những động từ mang sắc thái nhân hóa đặt trong những nhịp câu ngắn, nhanh, dồn dập khiến thác dưới SĐ thực sự trở thành một chiến trường ác liệt.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Nghệ thuật nhân hóa, so sánh cùng những từ láy gợi hình đầy sức biểu cảm đã giúp nhà văn dựng dậy sinh động và đầy lôi cuốn về phần hung bạo nhất, khủng khiếp nhất của sông Đà: **cái thác dưới**.

Đây là những trang văn kết tinh tất cả tài hoa, tâm huyết tấm lòng của nhà văn NT, là những **trang hoa, tờ hoa**.

MỞ RỘNG:

Tuy nhiên, ngay khi miêu tả một sông Đà hung bạo, hiểm ác, làm hiện lên tất cả **diện mạo và tâm địa của một thú kẻ thù số một**, nhà văn vẫn luôn truyền cho người đọc niềm say mê khao khát, muốn được tận mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp con sông.

- Khi miêu tả khúc sông Đà nơi thượng nguồn, NT không giấu được niềm say mê, phấn khích đối với hình ảnh âm thanh, đá ghềnh. Nhà văn đã say sưa trước khúc tráng ca mãnh liệt, hoành tráng của sức mạnh thiên nhiên hung dữ, một cảnh trí có sức hấp dẫn kì lạ bởi cả nỗi sợ hãi và niềm say mê.
- Thậm chí khi miêu tả dòng sông ở khúc hạ lưu êm ả, câu văn của NT vẫn băng khuâng trong cảm giác **nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc**. Từ láy **xa xôi** gợi nỗi nuối tiếc, nhớ nhung của chính nhà văn với khúc thượng nguồn với sức mạnh hoang dại, với những cuộn cuộn thét gào sóng gió, với vẻ đẹp dữ dội hào hùng.

Thông qua sự quan sát tinh tế, cách diễn tả hài hòa, những tri thức uyên bác, nhà văn đã làm hiện lên hình ảnh dòng sông Đà hung bạo, hiểm ác không chỉ như một con thủy quái, kẻ thù số một của con người mà còn trở thành công trình mỹ thuật tuyệt mỹ, tuyệt vời của tạo hóa, khơi gợi cảm giác hãi hùng đầy ngưỡng mộ, mê đắm.

TÍNH CÁCH TRỮ TÌNH

Để làm nổi bật tính cách hung dữ của con sông, nhà văn đã huy động một vốn kiến thức khá đồ sộ. Miêu tả tính cách trữ tình của dòng sông, NT lại phát huy tốt độ cảm xúc, cảm giác chủ quan, sử dụng ngôn từ hội họa, điện ảnh, giọng văn đậm chất thơ, những so sánh, liên tưởng đầy bất ngờ, thú vị.

Cách viết nhà văn cũng thay đổi: đoạn văn miêu tả dòng sông trữ tình vắng hẳn những câu văn dài với nhiều vế trùng điệp, chủ yếu là những câu văn ngắn với giọng điệu khá chậm rãi, sâu lắng.

a. Từ trên cao nhìn xuống – dòng sông mỹ nhân.

Con sông gây bất ngờ bởi nét mềm mại duyên dáng trong so sánh với cái dây thừng ngoằn ngoèo. Điều này hoàn toàn đối lập với hình ảnh và ấn tượng về con sông **hằng năm** và **đời đời kiếp kiếp làm mình làm mẩy với con người Tây Bắc**.

Dáng hình mềm mại duyên dáng của con sông còn được gợi ra từ một hình ảnh rất đẹp: **Từng nét sông tãi ra trên đại dương đá lơ lơ bóng mây**. Nhưng đặc sắc nhất phải là câu văn:

“Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân.”

- Điệp ngữ **tuôn dài** vừa gợi tả sinh động chiều dài con sông, vừa gợi ra sự liên mạch, miên man, bất tận của dòng chảy, gợi hình ảnh dòng sông uốn lượn tuôn chảy từ dãy núi hùng vĩ của vùng biên giới Tây Bắc, miên man chảy xuống đồng bằng, lặng lẽ đổ vào sông Hồng rồi tha thiết đổ ra biển.
- Những thanh bằng liên tiếp ở đầu câu cũng làm tăng thêm sự yên ả, êm đềm, bình lặng cho dòng sông khúc hạ nguồn.
- Hình ảnh so sánh **như một áng tóc trữ tình** càng tăng thêm vẻ đẹp đầm thắm, trữ tình, duyên dáng đầy nữ tính, nhưng lại không làm mất đi vẻ đẹp hùng vĩ của con sông.
 - **Áng:** thường chỉ áng văn, áng thơ đẹp, những tác phẩm mang vẻ đẹp cổ điển, mẫu mực, xuất sắc.
 - **Trữ tình:** gợi ra vẻ đẹp mơ mộng, lãng mạn, khơi gợi cảm xúc, cảm hứng cho con người.

NHẬN XÉT: Cách so sánh này không chỉ làm nổi bật vóc dáng mềm mại của con sông mà còn khiến sông Đà trở thành một công trình tuyệt mỹ, một kiệt tác nghệ thuật mà tạo hoá đã ưu ái ban tặng cho đất mẹ Tây Bắc về một dòng sông trẻ trung, tràn đầy sức sống thanh xuân, khơi gợi cảm xúc, cảm hứng khiến người ta mê đắm.

mở rộng:

Đọc đến đây, ta càng hiểu vì sao Anh Đức lại viết:

“Khi ta gọi NT là bậc thầy về ngôn từ, ta không hề thấy ngại miệng, một nhà văn độc đáo vô song mà mỗi dòng, mỗi chữ tràn ra đầu ngòi bút như có đóng một dấu triện riêng”.

- Với lòng yêu say đắm dòng sông, nhà văn còn điểm tô cho sông Đà
 - Nét huyền ảo của mây trời: Đầu tóc, chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc
 - Nét rực rỡ của hoa ban hoa gạo: bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai.
 - Cái ấm áp của làn khói cuộn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân
- **Vẻ đẹp gợi cảm, kiểu điểm của thiếu nữ sông Đà dưới cái nhìn của nhà văn hài hòa trong bức tranh thiên nhiên và cuộc sống con người Tây Bắc.**

mở rộng:

Cách miêu tả của nhà văn cho thấy vẻ đẹp của sông Đà làm say mê bao trái tim người nghệ sĩ, trước hết vì nó là vẻ đẹp của đất nước bao la, sau nữa vì nó gắn bó thân thiết với đời sống con người.

Nhà văn của những vẻ đẹp vang bóng một thời nay đã có **sự thay đổi cơ bản** trong quan niệm thẩm mỹ: Cái đẹp không còn cô đơn lạc lõng, xa xôi. Cái đẹp hiện ra ấm áp giữa cuộc đời bình dị, cái đẹp hiện diện ngay trong cuộc sống đời thường của những con người lao động.

CẢM XÚC CỦA TÁC GIẢ:

- Nhà văn NT tiếp tục miêu tả cảm xúc của mình khi ông tiếp cận ngắm cảnh sông Đà.

“Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà”.

 - Từ **“tôi đã”** lặp đi lặp lại 2 lần kết hợp với từ **“say sưa”** đã diễn tả chân thực cảm xúc, tình cảm của nhà văn dành cho con sông Đà Tây Bắc.
 - Ông đến với sông Đà không phải ở tâm thế thờ ơ mà đến bằng sự say đắm, say mê với một tình yêu mãnh liệt để từ đó khám phá và chiêm ngưỡng những vẻ đẹp khác nhau của sông Đà.
- Câu văn cho thấy ông đã tiếp cận sông Đà qua rất nhiều những góc nhìn khác nhau, **“xê dịch”** theo thời gian bốn mùa để có cơ hội được khám phá, được say đắm trọn vẹn vẻ đẹp thơ mộng, trữ tình của Đà giang.

Vẻ đẹp trữ tình của sông Đà còn hiện ra qua màu sắc đấp biến ảo khi vì niềm yêu và sự say mê.

NT đã quan sát dòng sông một cách công phu và tinh tế ở những thời điểm khác nhau.

- Nước sông Đà biến đổi theo mùa, mỗi mùa lại mang một vẻ đẹp riêng.
- **Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước sông Đà không xanh màu xanh canh hến của sông Gâm sông Lô.** Con mắt tinh tường của người am hiểu hội hoa so sánh sắc độ xanh khác nhau của dòng sông để kín đáo ngợi ca, tán dương sắc màu rất riêng, rất đẹp của sông Đà mùa xuân: trong, sáng, tươi, lấp lánh.
 - Đó là sắc xanh của sự phản chiếu ánh mây trời với ánh nắng ấm áp của mùa xuân, sắc xanh ấy của sông Đà

gợi ta liên tưởng đến câu thơ của thi sĩ Xuân Diệu:

“Đời tôi xanh ngọc qua muôn lá”

- Việc so sánh nước sông Đà với sông Gâm sông Lô không chỉ là biểu hiện khá quen thuộc của một nhà văn thị tài, thích khoe tài hoa, khoe uyên bác mà còn là sự thiên vị của một niềm yêu.
 - Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về.
 - Sáng tạo từ **lừ lừ chín đỏ** đã gợi tả dòng chảy nặng nề, đầm đìa và chậm rãi của con sông đầy nặng phù sa nơi thượng nguồn.
 - Hình ảnh so sánh đã không chỉ làm hiện lên màu sắc rất đặc trưng của nước sông Đà trong mùa thu mà còn thể hiện sức mạnh tiềm tàng ẩn chứa những đe dọa của dòng sông **năm năm báo oán, đời đời đánh ghen** với con người.
- **Vậy là, ngay khi dừng lại miêu tả con sông thơ mộng, trữ tình, hình ảnh sông Đà hung bạo vẫn ám ảnh đâu đây trong sự quan sát và cảm nhận của một nhà văn luôn say mê cảm giác mạnh.**

Liên hệ: AI ĐÃ ĐẶT TÊN CHO DÒNG SÔNG - HOÀNG PHÚ NGỌC TƯỜNG.

Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây - nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả.

nở rộng: phản đối cách đặt tên của tác

- Nhà văn tiếp tục bộc lộ thái độ, cảm xúc của mình

“Chưa hề bao giờ tôi thấy dòng Sông Đà là đen”.

- Đây là hình thức câu phủ định ngược lại có tác dụng khẳng định cái tên mà thực dân Pháp đặt cho sông Đà là sai với màu nước của dòng sông

“đề ngửa con sông ta ra đổ mực Tây vào mà gọi bằng một cái tên Tây láo lếu”.

- Bằng biện pháp nghệ thuật nhân hoá, tác giả cho thấy việc TDP đặt tên **“Đen”** cho Sông Đà là một sự khiên cưỡng, thô bạo, từ đó bộc lộ sự bức xúc, phẫn nộ & phản đối việc TDP đặt tên “Đen” cho dòng sông thơ mộng của đất trời Tây Bắc.

Nâng cao: Đọc đến đây, ta thấy NT chưa hề và cũng chưa bao giờ là nhà văn của chủ nghĩa duy mỹ thuần túy, CN hình thức mà đằng sau những con chữ quý giá, những hình ảnh đẹp đẽ về con sông, về cảnh vật, người đọc nhận ra một trái tim với những nhịp yêu mãnh liệt cho Tổ Quốc, quê hương. Đó chính là yếu tố làm nên giá trị những trang văn của NT.

ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN

- NỘI DUNG:

- Đoạn văn đã thể hiện cái nhìn tinh tế của một ngòi bút tài ba xuất sắc NT khi ông cảm nhận vẻ đẹp đáng hình, màu nước của sông Đà.
- Qua đó, người đọc thấy được tình yêu sâu sắc của nhà văn NT dành cho quê hương, đất nước.

- NGHỆ THUẬT:

- Nhà văn sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng bất ngờ, thú vị
- Sử dụng kiến thức hội hoạ để miêu tả
- Ngôn từ rất dồi dào tài hoa, hình ảnh đẹp

b. Từ rừng đi ra.

- Trong niềm yêu nhớ của NT, SĐ gợi cảm **như một cố nhân**. Để thể hiện sự gợi cảm của một dòng sông gần thương xa nhớ, nhà văn đã tạo ra một tình huống đặc biệt cho nỗi nhớ, niềm yêu, những bồn chồn, khát khao vô vấp:

- Đó là tình huống gặp lại con sông Đà:

“Chuyến ấy ở rừng đi núi cũng đã hơi lâu, đã thấy thèm chỗ thoáng. Mải bám gót anh liên lạc, quên đi mất là mình sắp đổ ra Sông Đà”.

- **“Ở rừng đi núi”** gợi ra không gian núi rừng âm u, lạnh lẽo, khiến con người ta thèm muốn đến với chỗ thoáng đãng và ánh sáng.
 - Ở đây tác giả cũng vậy, đi theo anh liên lạc là muốn tìm chỗ thoáng, không hề có ý định gặp sông Đà. Nhưng chính tại đây, tác giả đã gặp lại dòng sông. Như vậy, câu văn cho thấy tình huống nhà văn gặp lại dòng sông Đà là hoàn toàn bị động.
 - Nhưng chính tình huống bị động này đã giúp nhà văn nhận ra tình cảm của mình dành cho con sông **“như một cố nhân”** và phát hiện ra những vẻ đẹp mê đắm của sông Đà.
- Ở đoạn văn ngắn này, NT nhắc tới 3 lần từ **cố nhân** như để nói lên cho thỏa niềm vui, niềm hạnh phúc ngập tràn trong lòng.
 - Hai chữ **cố nhân** vừa nhân hóa dòng sông như một người bạn cũ với bao trân trọng, yêu mến, vừa đem đến cho dòng sông chút cổ kính của Đường thi.
 - Bất ngờ gặp lại cố nhân, niềm hân hoan, phấn khích của tác giả càng được nhân lên.
 - Lâu ngày mới gặp, nhà văn nhìn dòng sông loang loáng như trẻ con nghịch chiếu gương vào mắt mình rồi bỏ chạy.
 - Đó là cái nhìn của người chưa ra đến cửa rừng, mới chỉ nhìn thấy **từng miếng sáng** lấp lánh của dòng sông thấp thoáng ẩn hiện giữa những vạt cây mà đã háo hức, bồn chồn, đã vội vàng, khao khát.

- Khi liên tưởng trông mặt sông giống như ***cái miếng sáng lóe lên như một màu nắng tháng ba Đường thi***, nhà văn đã đem đến cho Sông Đà
 - Sự lãng mạn, huyền ảo của hoa khói
 - Sự trong sáng rực rỡ của sắc xuân

*Cái băng khuâng vời vợi nhớ nhung với cổ nhân trong câu thơ thiên cổ lệ cú của Lí Bạch trong bài “**Tại Lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng**”.*

Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu

(Xuôi thuyền về Dương Châu, giữa tháng ba mùa hoa khói)

Liên tưởng của nhà văn làm xao xuyến những tâm hồn luôn yêu nhớ phong vị Đường thi cổ điển, để rồi mỗi xao xuyến ấy mơ hồ lan tỏa trên dòng sông gợi cảm, khiến sông Đà không chỉ chảy trong không gian mà còn như trôi chảy trong dòng thời gian miên viễn, xa xăm của thế giới Đường thi.

- Vẻ đẹp của bờ bãi sông Đà lại gợi nhớ đến thế giới thần tiên trong khu vườn cổ tích:

“Bờ sông Đà, bãi sông Đà, chuồn chuồn bươm bướm trên sông Đà”.

- Hai chữ ***sông Đà*** điệp lại cuối mỗi vế câu đẳng lập như **nhịp lên** niềm mê say phấn khích, như **nhân lên** những khoảng không gian phóng khoáng của bến bãi Đà giang.
- Nhà văn đang hân hoan ngợp giữa không gian sông Đà mênh mông rồi đắm say òa vào những không gian ấy, thậm chí không kịp bình tĩnh để quan sát bằng lý trí, để miêu tả bằng những vị ngữ cụ thể.

→ **Tất cả đều bị cuốn đi theo những xúc cảm dồn dập, gấp gáp, theo những khao khát, say mê.**

- Cảm xúc gặp lại dòng sông đã được NT cụ thể hóa bằng những so sánh bất ngờ, thú vị:

“Chao ôi, trông con sông, vui như thấy nắng giòn tan sau kì mưa dầm, vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng”

Niềm vui đã được diễn tả trùng điệp bởi hai phép so sánh:

- Vui như thấy **nắng giòn tan** sau kì mưa dầm:
 - **NẮNG** tuy hữu hình nhưng lại là vô thể, chỉ có thể nhìn mà không thể nắm bắt.
 - **GIÒN TAN**: tính từ dùng để chỉ những vật thể mong manh, dễ vỡ.
 - Nhà văn diễn tả niềm vui sướng của sự tái sinh khi đưa đến **sự đối lập**: nắng bất ngờ bùng lên **thật trong, thật mỏng, thật nhẹ, thật sáng**, nó vừa mong manh vừa quý giá, hoàn toàn **tương phản** với **cái u ám, nặng nề, bức bối** của không gian đất trời những ngày mưa dầm.

→ **Cảm giác triu mến nâng niu cùng niềm vui lâng lâng sảng khoái của nhà văn khi gặp lại dòng sông.**

- **Vui như nổi lại chiêm bao đứt quãng** - việc gần như không thể có trong đời người
 - Sự nổi lại giấc mơ càng hi hữu hiếm quý bao nhiêu, càng đem lại cảm giác sung sướng thú vị bấy nhiêu.
- Nhà văn của những **khát khao xê dịch** đã nhiều lần tới sông Đà, và bất cứ lúc nào nếu muốn ông đều có thể đến với cố nhân của mình. Vậy mà qua so sánh, có thể thấy cảm giác khi gặp lại dòng sông lần nào cũng tươi mới, kì diệu như được nổi lại một giấc mơ đẹp, như được tận hưởng niềm vui chưa từng có trong đời, lần nào gặp nó cũng như lần đầu tiên, lần cuối cùng, lần duy nhất.
- Nhà văn đã cảm nhận được cái chất **“dầm dề ăm ăm”** thân thuộc khi gặp lại sau một thời gian **“ở rừng đi núi đã hơi lâu”**. Trong hình ảnh so sánh về cảm giác gặp lại con sông, Sông Đà thực sự đã trở thành người bạn cũ, người tri âm với bao kỉ niệm gần bó trong quá khứ, bao nhớ thương trong hiện tại, bao hẹn hò chung thủy trong tương lai. Với sự gọi cảm của mình, SĐ đã thực sự trở thành một cố nhân.
- Niềm hạnh phúc, hân hoan khi gặp lại sông Đà khi ấy khiến tác giả sẵn sàng bao dung cho cả những tính cách ương bướng, **bản tính và gắt gỏng thác lũ** của con sông như bao dung với một người tình, đem lòng yêu mến cả những tính nết ương dở khó chiều ấy.

NHẬN XÉT

Hình ảnh thiên nhiên sông Đà đi vào lòng người, khơi gợi mãnh liệt cảm xúc băng khuâng, xao xuyến như được gặp lại cố nhân, như đắm mình vào không khí thơ mộng, cổ kính của Đường thi, như bất chợt được gặp một người tình chưa quen biết. Tất cả gợi cho ta một cảm giác trác việt, hiếm có trên đời.

→ **Diễn tả sự phấn khích, mê say khi gặp lại con sông là cách để nhà văn làm nổi bật vẻ đẹp gợi cảm, sức hấp dẫn mê hoặc của sông Đà cùng tình yêu và sự gần bó thân thiết với con sông.**

c. Từ bờ bãi ven sông.

- Trong cuộc kháng chiến mất còn của dân tộc, những dòng sông, cánh đồng, mảnh đất, ngôi làng đã đồng hành sống, chiến đấu với con người và hóa thân vào văn chương thành những vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Một **sông Mã** găm khan trầm uất, một **sông Đuống** cuộn trôi mang bao ảnh hình xứ sở... Đến với NLĐSD của Nguyễn Tuân, ta cùng tác giả vượt thác xuống ghềnh và rồi thả thuyền hồn trôi xuôi trong một đoạn tả **sông Đà** trữ tình.
- Nếu ví người lái đò sông Đà như bản trường ca với những cung bậc khi mãnh liệt lúc réo rắt ngân vang thì đoạn văn trên là một khúc ca êm ái nhất. Ở những giai đoạn trên, ta bắt gặp một con thuyền chiến của người lái đò, còn đây là một con thuyền thơ của một hồn văn đầy chất thơ.
- Từ điểm nhìn của 1 du khách đi thuyền trên sông Đà, nhà văn đã quan sát và miêu tả những vẻ đẹp hết sức nên thơ của quãng sông nơi hạ nguồn.

✧ *Lặng tờ, yên ả*

Nhà văn dùng đến 3 câu văn để diễn tả sự lặng tờ của con sông:

“Thuyền tôi trôi trên sông Đà.

- Xuôi dòng hạ lưu êm đềm, ngồi thuyền đi trên mặt sông, tác giả đã cảm nhận vẻ đẹp trọn vẹn trữ tình của con sông Đà ở quãng này ***“Thuyền tôi trôi trên sông Đà”***.
 - Câu văn của NT không bị vướng víu bởi một thanh trắc nào cả, kết hợp với động từ **“trôi”** diễn tả sự chuyển động nhẹ nhàng, êm đềm.
 - Từ đó giúp NT miêu tả điểm nhìn ngắm cảnh. Nếu trước đó nhà văn lựa chọn điểm nhìn từ trên cao, **“từ trên tàu bay”** để phát hiện ra vẻ trẻ trung, xuân sắc của sông Đà và khi tiếp cận gần hơn ở trên bờ, nhà văn lại khám phá nét đẹp mê đắm của nắng sông Đà, thì ở đây trực tiếp đi thuyền trên sông, nhà văn cảm nhận được nhịp chảy êm đềm của Đà giang và con thuyền trôi theo dòng nước đẩy đưa lâng lâng, êm ái, thơ mộng, trữ tình, khác hẳn với con thuyền bị tan xác ở khuỷnh sông dưới được NT miêu tả trên thượng nguồn Tây Bắc.

Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Trần đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế mà thôi.

“...Mà tịnh không một bóng người.”

- Hai chữ **“lặng tờ”** được điệp đi điệp lại mấy lần theo kiểu trùng điệp rất đặc trưng của thơ đem đến cho câu văn của NT sức quyến rũ của thanh điệu và tiết tấu để từ đó diễn tả vẻ đẹp tĩnh lặng là nét đẹp đặc trưng của sông Đà ở quãng này. Sông Đà không khác gì vẻ đẹp dòng sông trong cổ thi:

“Xanh um cỏ thụ tròn xoe tán
Trắng xóa tràng giang phẳng lặng tờ”

(Bà Huyện Thanh Quan)

- Câu văn đã đưa con thuyền, nhà văn và cả người đọc vào cõi mơ êm đềm, yên ả, một cõi hoang sơ vắng lặng như chưa từng có dấu vết của con người.
 - Trong cảm nhận của nhà văn, đó không chỉ là sự vắng lặng, hoang sơ của không gian mà còn là sự tĩnh lặng, xa xăm của thời gian.
- **Thời gian ngưng lại nơi đây để lưu giữ mãi vẻ nguyên sơ thuần khiết thanh tân của con sông.**
- Tuổi thơ như khoảng thời gian thần tiên trong mỗi người. Và đi bên tuổi thơ của mỗi con người là tuổi thơ của nhân loại, bởi dòng sông nào cũng là chứng nhận của việc an cư lạc nghiệp, của biết bao biến đổi thăng trầm của lịch sử.
 - **Nguyễn Tuân đã nhìn sự vật trong chiều sâu lịch sử, trong ý thức hướng về truyền thống khi nói cái lặng tờ của cảnh sông. Dường như dòng sông lặng tờ lại càng lặng tờ hơn bởi bề dày lịch sử của mấy trăm năm cộng lại.**

✧ *Non tơ, mềm mại*

- Yên ả, lặng tờ như thuở hồng hoang nhưng cảnh vật nơi đây vẫn âm thầm sinh sôi. Trải dọc hai bờ sông, sự sống vô cùng non trẻ. Trong bao la đất trời, vạn vật vẫn đang động cựa.

“Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa.”

“Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngốn búp cỏ gianh đẫm sương đêm.”

“Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương...”

“Đàn cá dầm xanh quẫy vọt lên mặt sông bụng trắng như bạc rơi thoi.”

- Chất thơ mơ mộng còn bao trùm cả cảnh sông bằng những ảnh nai tơ, mỡ màng nhất: **lá ngô non đầu mùa, nõn búp, búp cỏ gianh**, những con vật hiền lành: **con hươu thơ ngộ, đàn cá dầm xanh**.

→ **Cảnh sắc thơ như từ một thế giới cổ tích nào đấy hiện về, vừa chân thực mà hư ảo, gần gũi mà xa xăm, bàng lảng một lớp sương huyền hồ của cỏ gianh đẫm sương đêm, áng cỏ sương.**

- Tưởng như một tâm hồn lần đầu bắt gặp sự xanh non của cuộc sống. Những câu văn tươi xanh như thức dậy phần non tơ nhất của hồn người, thức dậy một ý thơ của Xuân Diệu:

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non

(Đôi mắt xanh non)

- Mỗi câu văn **“đẫm sương”** ấy là một nét vẽ, tưởng như hòa vào nhau song tách bạch rất rõ ràng. Một màn sương cứ rải nhẹ trong tâm trí độc giả, như nhắc nhở bao huyền thoại xa xưa, bao không gian cổ tích diễm ảo. Ta như cùng Nguyễn Tuân ngây ngất đắm say những nét diệu kỳ nhất của tạo hóa.

✧ *Hồn nhiên, hoang dại*

- Đắm mình trong không gian trong trẻo của bờ bãi ven sông, nhà văn như lạc vào cõi mơ, lạc vào thế giới cổ tích

“Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích tuổi xưa.”

- Tác giả đưa ra liên tiếp 2 so sánh, nhưng không phải làm cho cụ thể hơn mà trừu tượng hóa, mộng hóa hơn sự vật khiến vẻ đẹp của Đà Giang càng lung linh, ảo huyền. Từ một hình ảnh cụ thể, hữu hình **“bờ sông”** gợi đến bao cái vô hình **“bờ tiền sử”, “nỗi niềm cổ tích tuổi xưa”**. Câu trên nghe hoang vắng, xa xăm. Câu dưới òa ập, xôn xao cảm xúc.

→ **Dòng sông càng trôi xa thêm vào miền mộng ảo, phiêu diêu trong cõi hồng hoang xa xôi, trong thế giới của cổ tích tuổi thơ.**

- Đặc biệt nhất là hình ảnh **con hươu thơ ngộ**, cất tiếng hỏi nhà văn bằng **tiếng nói riêng của một con vật lành**. Chi tiết này làm tăng thêm ảo giác như nhà văn lạc bước vào một cõi trong trẻo, an lành, thuần hậu và không có thực của thế giới cổ tích.

“Con hươu thơ ngộ ngẩng đầu nhung khỏi áng cỏ sương, chăm chăm nhìn tôi lừ lừ trôi trên một mũi đò. Hươu vênh tai, nhìn tôi không chớp mắt mà như hỏi tôi bằng cái tiếng nói riêng của con vật lành: “Hỡi ông khách Sông Đà, có phải ông cũng vừa nghe thấy một tiếng còi sương?”.

- Nhà văn sử dụng NT nhân hóa và bằng sự tưởng tượng kì thú của mình đã tạo ra cuộc hội thoại thơ mộng giữa con hươu thơ ngộ và ông khách sông Đà.

Hình ảnh này gợi cho ta liên tưởng tới 1 ý thơ rất thơ trong “Tiếng thu” (Lưu Trọng Lư)

“Con nai vàng ngơ ngác

Đạp trên lá vàng khô”

- Con nai vàng ngơ ngác trong thơ của LTL hay con hươu thơ ngộ trong văn của NT đều gợi lên vẻ đẹp thơ mộng, tinh khôi, thuần khiết của TN.

→ **Cách viết này của NT đem đến cho người đọc cảm giác ngời bút của NT tựa như một chiếc đũa thần chạm vào đâu sự sống của mình đẹp để và có hồn đến đó.**

✧ *Khao khát hiện đại hóa*

- Ảo giác mãnh liệt đến mức nhà văn thốt lên một niềm ao ước

“Chao ôi, thấy thèm được giết mình vì một tiếng còi xúp-lê của một chuyến xe lửa đầu tiên đường sắt Phú Thọ - Yên Bái - Lai Châu.”

Trong không gian hoang sơ, hiên hòa ấy, bỗng tác giả ***“thèm được giết mình vì một tiếng còi sương”***. Đặt vào hoàn cảnh chưa có chuyến tàu nào đi Phú Thọ - Yên Bái – Lai Châu, câu văn như một tiếng reo náo nức của tác giả trước công cuộc xây dựng miền Bắc (1958 – 1960). Tiếng còi sương là ảo, là âm thanh trong tâm tưởng nhưng lại nói lên một ước vọng rất thực tế của nhà văn. Thèm được nghe một tiếng còi xe lửa đã quý, như Chế Lan Viên:

Mắt ta thèm mãi ngói đỏ trăm ga.

(Tiếng hát con tàu)

Nhưng ***“thèm giết mình”*** thì lại càng quý hơn bởi Nguyễn Tuân khao khát cái cảm giác khi được nghe tiếng còi Tây Bắc mở mang, là ước mơ hiện đại hóa Tây Bắc.

Nó còn là âm thanh cuộc sống hiện đại giúp nhà văn nhận ra rằng mình vẫn đang ở thế giới thực, vẫn là con người của nền văn minh hiện đại.

- ***Văn sông Đà của Nguyễn Tuân đã là văn chương mới của một thời đại mới.*** Trước Cách mạng, ông đã từng ***“xê dịch”*** để tìm những cảm giác mới lạ, để trốn tránh trách nhiệm thì sau ngày đổi đời của dân tộc, ông lại đi để tìm hình ảnh quê hương và nhận chân trách nhiệm của mình. Cuộc sống mới đã ngấm vào cảnh vật, và con hươu thơ như cũng lắng nghe tiếng còi sương. Cảnh vật có màu sắc, âm thanh dù là trong tâm tưởng.
- Một tứ thơ xưa đọng lại nơi quãng sông càng làm tăng chất thơ:

Dải sông Đà bọt nước lên đênh.

Bao nhiêu cảnh bấy nhiêu tình.

Tản Đà

- Nguyễn Tuân đã chọn câu thơ hết sức trữ tình của nhà thơ quê hương sông Đà, sống hết lòng với sông Đà. Câu thơ ấy hòa với những câu văn đẹp như thơ của Nguyễn Tuân đã ***“để thơ”*** vào sóng nước Đà giang như khẳng định sự tồn tại của một sinh thể có hồn, coi sông Đà như một bạn đồng hành.

- Vẻ đẹp ấy đã cùng với sông Đà chảy qua không gian, thời gian, và đặc biệt là chảy qua cả những áng thơ ca bao đời, thơ Nguyễn Quang Bích rồi Tản Đà... để trở thành bất tử. Trong cái nhìn của thi sĩ Tản Đà, Sông Đà đã trở thành **“một người tình nhân chưa quen biết”**.
 - Hình ảnh **“tình nhân chưa quen biết”** là một hình ảnh gợi cảm, một tình yêu mãnh liệt, nồng nàn và cả những vẻ đẹp mới mẻ tiềm ẩn.
 - Với cách tiếp cận con sông như vậy, ta thấy dưới ngòi bút của nhà văn NT, sông Đà không vô tri, vô giác mà hiện ra rất đỗi thơ mộng, trữ tình, mang vóc dáng, tình cảm như con người.
- **Từ hiện tại trôi về quá khứ, trong cõi mộng hướng ra cõi thực ở thời tương lai, từ đó đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân sau cách mạng (tìm thấy sự thống nhất trong QK, HT và TL)**

✧ Đa cảm, đa tình

Khép lại trang văn là hình ảnh dòng sông:

***“Dòng sông quăng này lững lờ như nhớ thương những hòn đá thác xa xôi để lại trên thượng nguồn Tây Bắc.”
“Và con sông như đang lắng nghe những giọng nói êm êm của người xuôi,...”***

Sông Đà làm mình làm mẩy, **“bản tính và gắt gỏng”** đã không còn nữa. Con sông trở nên đầy nghĩa tình khi gửi niềm nhớ thương về nguồn cội, nhưng đó cũng là con sông khao khát được hòa nhập với cuộc sống mới, hòa mình vào cuộc sống xung quanh.

NHẬN XÉT

Đoạn văn giống như một đoạn thơ trữ tình khiến người đọc như lạc vào một miền cổ tích với những câu văn dài, dùng nhiều thanh bằng, cấu trúc câu trùng điệp, nhịp văn chậm rãi êm đềm. Với niềm yêu đắm say dòng sông, Nguyễn Tuân đã **“đề thơ vào sông nước”** và cảm nhận về 1 con sông như **“một người tình nhân dù chưa quen biết”**.

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

NỘI DUNG:

- Nguyễn Tuân đã nhìn nhận sông Đà như một tuyệt tác của tự nhiên, một công trình nghệ thuật của tạo hóa. Từ đó ca ngợi vẻ đẹp con sông Đà, thể hiện sâu sắc tình yêu mến của nhà văn đối với quê hương đất nước.
- Trong đoạn văn miêu tả dòng sông trữ tình, cái tôi trữ tình của nhà văn đã trực tiếp xuất hiện qua:
 - Lời kể hào hứng: tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân... tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu
 - Trong những lời cảm thán nồng nàn: Chao ôi, trông con sông..., Chao ôi, thèm được giật mình...
- Vậy là, bên cạnh một NT sắc sảo, tài hoa, uyên bác còn có một NT đam mê, dạt dào cảm xúc:
 - Khi xao xuyến nỗi nhớ thương như **một tình nhân, một cố nhân**
 - Khi bông bột như trẻ nhỏ trước menh mông phóng khoáng của bờ bãi sông Đà
 - Khi lại say đắm muốn tan hòa vào thế giới êm đềm, bát ngát của sông
 - Luôn lai láng niềm mong ước của một thi nhân muốn được **để thơ vào sông nước**.

NGHỆ THUẬT.

- Phối hợp linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật đặc sắc: ẩn dụ, nhân hóa, so sánh.
- Lối hành văn đầy biến hóa, độc đáo, giàu sức gợi tả gợi cảm.
- Vận dụng tri thức tổng hợp của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau để quan sát, miêu tả và bộc lộ cảm xúc.
- Miêu tả dòng sông từ góc độ văn hóa, thẩm mỹ.

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ.

bạc thầy trong nghệ thuật chèo đò ngày ngày viết nên những bản trường ca bất tận về công cuộc lao động không ngừng nghỉ

1. LAI LỊCH

- Nhân vật được gọi theo nghề nghiệp: **“Ông lái đò Lai Châu bạn tôi”**. Tên gọi đã ẩn chứa trong đó địa danh sinh sống, địa danh làm việc, nghề nghiệp.
 - **Tác giả muốn khẳng định rằng không chỉ có một ông lái đò phi phàm xuất chúng, mà đây là một đại diện tiêu biểu cho vô số chất vàng mười đang lấp lánh tỏa sáng ở mảnh đất Tây Bắc.**

Đây là sự chuyển biến rất lớn trong tư tưởng, quan niệm NT của tác giả: hướng về những cái đẹp đời thường, khuất lấp của con người; là điểm mới cho cảm hứng ngợi ca lao động, ngợi ca con người của nhà văn sau CMT8.

2. NGOẠI HÌNH: Mang đậm dấu ấn nghề nghiệp

- **“Tay ông lâu nghề như cái sào, chân ông lúc nào cũng khùnh khùnh gò lại như kẹp lấy một cái cuống lái tưởng tượng, giọng ông ào ào như tiếng nước trước mặt ghềnh sông, nhõn giời ông vời vọi như lúc nào cũng mong một cái bến xa nào đó trong sương mù.”**

“Cái đầu bạc quắc thước... đặt lên thân hình gọn quánh chất sừng chất mun.”

- Bức chân dung rất trẻ tráng dù ông lái đò đã ngoài 70 tuổi. Đây là thứ ngoại hình được hun đúc, được sinh ra từ sông nước dữ dội, hiểm trở.
 - **Cho thấy sự gắn bó với nghề nghiệp của ông lái đò. Ông lái đò đã chèo lái, xuôi ngược trên Sông Đà hơn 100 lần, chính tay ông cầm lái khoảng hơn 60 lần. Ông đã gắn bó với nghề này hơn 10 năm trời.**

3. PHẨM CHẤT:

a. Trí dũng:

- Ngay khi miêu tả sông Đà hung bạo trên khúc thượng nguồn, NT đã có ý định tạo dựng một nền thiên nhiên hùng vĩ, một không gian hào tráng, lớn lao xứng đáng với sự xuất hiện của anh hùng sông nước. Đó là không gian của thác ghềnh hiểm trở, của gió sóng cuộn cuộn thét gào, một không gian những hút nước ghê rợn, những thác đá dữ dội, hiểm ác, của đá dựng vách thành bí ẩn, thâm nghiêm.
 - Khắc họa trong tương quan với hình ảnh sông Đà hung bạo, hùng vĩ: **Nghệ thuật tương phản** đã làm nổi bật một cuộc chiến không cân sức:
 - Một bên là thiên nhiên bạo liệt, hung tàn, sức mạnh vô song với sóng nước, với thạch tinh nham hiểm.
 - Một bên là con người bé nhỏ trên chiếc thuyền con éo đờn độc và vũ khí trong tay chỉ là những chiếc cán chèo.
- **Cuộc chiến không cân sức nhằm tôn vinh vẻ đẹp của con người trong công cuộc chinh phục tự nhiên.**
- Sự dữ dằn, hung bạo và hiểm ác của thiên nhiên sông Đà chính là tình huống đẩy thử thách để nhân vật bộc lộ vẻ đẹp trí dũng tài hoa của mình khi người lái đò luôn phải tỉnh táo, khôn ngoan, khéo léo, càng phải ngoan cường, dũng cảm mới có thể đưa con thuyền vượt qua những trùng vi thạch trận trên dòng sông.

✧ *Lòng dũng cảm: thể hiện qua cuộc vượt thác lần thứ nhất:*

- Việc lựa chọn chung sống với con sông hung bạo: Ông đò không thích chèo đò ở quãng sông hiền hòa, chèo đò ở quãng đó **“dại chân, dại tay và dễ buồn ngủ”**. Với ông, hiểm nguy đã trở thành hứng thú.

Hình ảnh sông Đà:

- Một khung cảnh chiến trận thực sự đã được tái hiện qua nét bút tài hoa của nhà văn. NT đã rất thành công khi đưa người đọc vào một cuộc chiến cam go, căng thẳng, kịch tính đến nghẹt thở. Người đọc cùng nhà văn trải qua rất nhiều trạng thái: **lo lắng, hồi hộp rồi hả hê, mừng vui khôn xiết** trước sự dũng cảm, ngoan cường cùng tài hoa khác thường của ông đò.
- Ở trùng vây này, ngay trong cách bày binh bố trận, SĐ đã tỏ rõ sự nham hiểm của mình. Con sông còn giao nhiệm vụ cho từng hòn đá để chúng trở thành những đá tướng, đá quân dữ tợn, ngỗ ngược vừa đe dọa, khiêu khích đối phương, vừa giở những miếng đòn độc hiểm, **đòi ăn chết con thuyền**.
- Hỗ trợ cho **“bầy thạch tinh”** còn là mãnh lực của sóng nước:

Mặt nước hò la vang dậy quanh mình... giữa trận nước vang trời thanh la náo bạt.

Người lái đò:

- Khi thạch trận dàn bày vừa xong, **cái thuyền vọt tới**. Người lái đò cùng con thuyền vọt tới ở một tư thế rất hiên ngang, chủ động, không hề nao núng sợ hãi, sẵn sàng đối mặt với dòng thác dữ.
- Trước luồng nước **hò la vang dậy, ủa vào bẻ gãy cán chèo**, ông lái đò hai tay giữ chặt mái chèo, khỏi bị hất lên khỏi sóng trận địa đang phóng thẳng vào mình. Ông lái tựa như một vị tướng, vẫn kiên cường nắm chặt vũ khí trong tay trước sự tấn công dồn dập của kẻ thù. Tư thế của ông vẫn rất vững chãi, để chiến đấu với dòng thác dữ.
- Khi sóng nước Đà giang đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất, **cả cái luồng nước vô sở bất chí ấy bóp chặt lấy hạ bộ người lái đò**, ông lái đò đã bị chấn thương.
 - Nhà văn đã cụ thể hóa cảm giác của ông đò bằng một hình ảnh so sánh độc đáo:

Mặt sông trong tích tắc lòe sáng lên như một cửa bể đom đóm rừng ủa xuống mà châm lửa vào đầu sóng.

- Đó là cảm giác đau đớn đến lịm đi, tưởng như mắt nổ đom đóm, như kim châm, lửa đốt trong ruột gan.
- Đau đớn đến tột cùng, mặt ông đò **méo bệch đi**, nhưng ông vẫn ở tư thế của vị chủ soái. Ông vẫn cầm lái chỉ huy, **ngắn gọn mà tỉnh táo**. Ông đã cố nén vết thương, vượt lên trên nỗi đau làm biến dạng cả khuôn mặt và thần sắc, bằng nghị lực và lòng quả cảm vô song, ông đò vẫn xông pha trên mặt trận sông nước như một chiến binh thực thụ.

Nhận xét:

- Vậy là dũng cảm không chỉ là phẩm chất cần có của người lính nơi hòn tên mũi đạn, mà đó còn là phẩm chất của người lao động bình thường trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên để **giành sự sống từ tay nó về tay mình**.
- Chính lòng dũng cảm cùng sự bình tĩnh chủ động, sẵn sàng ứng phó của ông Đò đã giúp ông phá xong trùng vây thứ nhất, khắc tạc trong lòng độc giả hình ảnh một vị thuyền trưởng mang bản lĩnh, cốt cách của vị anh hùng sông nước.

✧ *Trí tuệ thông minh & dày dặn kinh nghiệm: cuộc vượt thác lần hai.*

Hình ảnh sông Đà:

- Thất bại ở vòng vây thứ nhất sẽ càng khiến cho con thủy quái sông Đà càng thêm điên cuồng. Nó càng trở nên điên cuồng hơn, xảo quyệt, thâm hiểm hơn nữa.
- Con sông đã **tăng thêm nhiều cửa tử**, chỉ bố trí một cửa sinh. Nhưng cửa sinh này cũng không dễ vượt qua, khi trấn giữa cửa sinh là một **thăng đá tướng** đang ở tư thế đứng chiến.
- Phối hợp với đá là nước thác:
 - Dòng thác **hùm beo** đang **hồng hộc tế mạnh trên sông đá**. Dòng thác ấy như đang lao trên sông với tốc lực của loài mãnh thú.
 - Ngoài dòng chảy chính ấy còn là bốn năm **bọn thủy quân cửa ải nước bên bờ trái** lao ra để níu con thuyền, lôi vào tập **đoàn cửa tử**.

Người lái đò

- Đối mặt với con sông hoang dại ấy, người lái đò **không một phút nghỉ tay nghỉ mắt, phải phá luôn vòng vây thứ hai và đối luôn chiến thuật**. Ông phải thật linh hoạt để ứng phó. Cùng với vũ khí là mái chèo và con thuyền, ông đò còn có khối óc để nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá.
 - **Nắm chắc binh pháp:** Ông lái đò là người rất am hiểu về dòng sông. Ông hiểu sông Đà như hiểu chính bản thân mình. Ông nắm chắc từng nguồn mạch, từng ngọn thác, từng khe đá... Ông nắm vững quy luật của dòng sông và luôn có phương án tốt nhất trong mỗi cuộc chiến với dòng sông này.
 - Trước dòng thác **hùm beo hồng hộc tế mạnh trên sông đá**, ông lái đò cùng chiếc thuyền cưỡi trên dòng thác như cưỡi trên lưng hổ, mà đã cưỡi lên lưng hổ chỉ còn cách là **cưỡi đến cùng**.
 - Cách để có thể thuần phục được con sông ấy chỉ có thể là **nắm chặt** lấy bờm sóng, ông **ghì cương, lái miết** về phía luồng cửa sinh sau khi **bám chắc** luồng nước đúng.
 - Hàng loạt động từ mạnh cho thấy những động tác của ông vô cùng chính xác, nhanh nhẹn và mạnh mẽ.
 - Đặc biệt, nhà văn không viết **“ghì cương lái”** mà là **“ghì cương lái”**, không phải **“ngọn sóng”** mà là **“bờm sóng”**, cho thấy liên tưởng kì thú của nhà văn.
- **Sông Đà đã trở thành một con ngựa bất kham, mái chèo trong tay ông trở thành cương lái còn người lái đò vụt trở thành kỵ binh, người anh hùng tung hoành trên chiến trận sông Đà.**

- **Trí nhớ:** Ông đò **nhớ như đóng đinh vào lòng** tên tuổi của các con thác dọc sông Đà.

Nếu ví sông Đà là một bản trường thiên anh hùng ca... thì ông đò đã thuộc đến từng dấu chấm câu, từng chỗ xuống dòng.

Nguyễn Tuân

- Khi bốn năm bọn thủy quân của ải nước xô ra, ông đò vốn nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá, ông **vẫn nhớ mặt bọn này**, nên không hề nao núng mà tỉnh táo, linh hoạt thay đổi chiến thuật, ứng phó kịp thời:

*“Đứa thì ông tránh mà rảo bơi chèo lên, đứa thì ông đè sấn lên mà chặt đôi ra để mở đường tiến”
để rồi “những luồng tử đã bỏ hết lại sau thuyền”, khiến thằng đá tướng tiu nghiu cái mặt xanh lè thất vọng.*

b. Tài hoa – nghệ sĩ: cuộc vượt thác lần ba.

Hình ảnh con sông:

Do đã thua người lái đò ở hai cuộc giao tranh trước, đến đây, sông Đà ngày một điên cuồng dữ dội hơn.

- Con sông càng tỏ rõ sự nham hiểm, thâm độc bởi nó đã bị đẩy vào thế buộc phải **ăn chết con thuyền**.
 - Lần này, có ít cửa hơn, nhưng bên phải bên trái đều là luồng chết cả.
 - Chỉ có một luồng sống duy nhất, vậy mà luồng sống ấy lại **ở ngay giữa bọn đá hậu vệ** của con thác – hàng đá chắc chắn nhất, to lớn nhất, vững chãi nhất.
- **Nhìn cách bày binh bố trận của chúng, người đọc có đôi chút lo lắng cho người lái đò bởi cơ hội chiến thắng của ông là rất mong manh.**

Người lái đò:

- Vòng vây thứ ba này được coi là nơi mà sông Đà dồn tụ mọi quân hùng tướng mạnh của nó, để ứng phó với người lái đò. Ở đây, ông lái phải chứng tỏ được tài nghệ chèo đò tuyệt vời của mình khi ở giữa ranh giới chưa bao giờ mong manh đến thế của sự sống và cái chết.

Ông đò cứ phóng thẳng thuyền, chọc thủng cửa giữa đó.

- Từ “**PHÓNG**”: Tác giả đem đến cho người đọc một liên tưởng – bằng tay lái điêu luyện của mình, chiếc thuyền con én đơn độc của ông lái đò tựa như một chiếc xe đua gắn động cơ có tốc độ siêu hạng.
- Chiếc thuyền chọc thủng cửa giữa, vút qua cánh cổng đá:

“Vút, vút, cửa ngoài, cửa trong, lại cửa trong cùng, chiếc thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước, vừa xuyên vừa tự động lái được, lượn được”.

- Những chướng ngại vật cửa ngoài, cửa trong mở ra hết lớp này đến lớp khác, vậy mà liên tiếp các lớp lang đá chìm đá nổi đều bị bỏ lại phía sau con thuyền. Thuyền lao đi với tốc độ của một mũi tên tre **xuyên nhanh qua hơi nước**. Vì nước ở quãng thác này tựa như **hùm beo hồng hộc tế mạnh trên sông đá**, con thuyền phải đi nhanh hơn tốc độ chảy của dòng nước để có thể dành thế chủ động.
 - Cho thuyền lao nhanh với tốc độ của mũi tên tre đã là tài nghệ tuyệt vời, nhưng ở đây, chiếc thuyền vừa lao thật nhanh mà vừa có thể lạng lách, **lái được, lượn được**, chứng tỏ người lái đò đã đạt đến trình độ bậc thầy, phi thường. Dáng vẻ của ông lái trên sông giống hệt như người anh hùng vừa đạt được kì tích.
 - Đã đạt đến độ nhuần nhuyễn, điêu luyện, mỗi động tác của người lái đò giống như một **đường cọ trên bức tranh sông nước mênh mông...**
- **Cùng với lòng dũng cảm và sự dạn dày kinh nghiệm, TAY LÁI RA HOA của ông đò đã hóa giải sức mạnh của những đòn đánh từ sóng thác sông Đà đưa con thuyền vượt thác an toàn, ông đò đã có chiến thắng ngoạn mục.**
- Con thuyền qua trùng vây cuối cùng tưởng gian nan, nhọc nhằn mà lại thật nhẹ nhàng, thênh thang. Người đọc nhận ra cảm giác đó qua nhịp điệu nhanh, ngắn của câu văn, của tốc độ con thuyền, đặc biệt qua tâm trạng của người lái đò là người chứng kiến.
- **Tất cả đều trở nên nhẹ nhàng, thoải mái, hả hê, sung sướng.**

- Đến đây, ông đò thực sự là một **tay lái ra hoa**, một nghệ sĩ tài hoa trong một loại hình nghệ thuật đặc biệt: Nghệ thuật vượt thác leo ghềnh.

Chất tài hoa:

- Với nhà văn, **TÀI HOA** là khi con người đạt tới trình độ điêu luyện, thuần thục trong bất kì công việc nào, đến độ có thể sáng tạo được, có thể vươn tới tự do, để có thể chủ động và sáng tạo. Sở dĩ có thể băng băng vượt qua thác dữ, xé toang hết lớp này đến lớp khác của các trùng vi thạch trận với phong thái rất ung dung, thanh thoi bởi lẽ ông đã nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá. Bởi với ông,

Nếu ví sông Đà là một bản trường thiên anh hùng ca... thì ông đò đã thuộc đến từng dấu chấm câu, từng chỗ xuống dòng.

Nguyễn Tuân

Chất nghệ sĩ:

- Đôi cánh tay chèo lái và đôi chân giữ thế tạo đà kết hợp như vũ điệu nhịp nhàng với bản giao hưởng của dòng sông.
- Chất nghệ sĩ ấy thăng hoa khi người lái đò đã điều khiển chiếc thuyền như một mũi tên tre **xuyên nhanh qua hơi nước** khiến cho giống như **một màn biểu diễn nghệ thuật hoàn hảo**, chính xác, đẹp mắt trong từng chi tiết.

→ **Tay lái của ông đò đã đạt đến trình độ điêu luyện, trở thành cái đẹp, cái sang.**

Nguyên nhân chiến thắng:

- Đó là chiến thắng của sự ngoan cường, lòng dũng cảm, ý chí quyết tâm vượt qua những thử thách khốc liệt của cuộc sống.
- Đây là chiến thắng của tài trí con người, của sự am hiểu đến tường tận tính nết của sông Đà.
- Đó là chiến thắng của cái tài hoa, nghệ sĩ của người lái đò sông Đà.

NHẬN XÉT:

Mỗi cuộc vượt thác đối với người lái đò là một chuyến đi tràn đầy cảm hứng. Sự nguy hiểm đầy chết chóc của dòng sông trở thành niềm đam mê bất tận trong suốt cuộc đời ông. Ông muốn chiến đấu và chiến thắng con quái thú ấy nhiều lần, làm thỏa mãn khát vọng chinh phục.

→ **Trên nền sông nước Đà giang hùng vĩ, ông lái đò hiện lên với tư thế của một dũng tướng tài năng và phong thái của một nghệ sĩ tài hoa trong cuộc vượt thác.**

c. Giản dị khiêm nhường

- Sau cuộc chiến với con sông Đà hung bạo, nhà văn lại khắc họa một nét đẹp khác ở nhân vật:
 - **Giản dị, khiêm nhường** của một người lao động bình thường;
 - **Ung dung bình thản** của một người nghệ sĩ chân chính.
- Câu văn **“Thế là hết thác”** như một tiếng thở phào nhẹ nhõm khi ông lái đã bỏ lại hết những thác ghềnh ở phía sau lưng.
- Đi qua bao thác ghềnh dữ dội, dòng sông mềm mại hẳn đi sau cái **“vặn mình vào một cái bến cát có hang lạnh”** cũng là lúc **“sóng thác xèo xèo tan trong trí nhớ”**. Những gian khổ hung khiếp vừa qua thoáng chốc đã tan nhanh trong trí nhớ.
- Những nghệ sĩ chân chính sau khi vắt kiệt sức mình để thai nghén nên tác phẩm, không mấy ai tự tán dương về công sức của mình. Với những lái đò trên sông nước Đà Giang cũng vậy. Chiến thắng ngoạn mục kì tích phi thường vừa mới diễn ra. Nhưng:

“Cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua nơi cửa ải nước đủ tướng dữ quân tợn vừa rồi.”

Họ không một chút mảy may suy tư hay hồi tưởng về cuộc chiến đấu dữ sinh nơi cửa ải nước vừa rồi. Không xem cuộc vượt thác vừa qua là một cuộc chiến vĩ đại để tự ca ngợi chính mình. Đó quả là những con người bình thường mà khiến bất cứ ai đều phải kính phục.

- Thế nên tối hôm đó:

“Đêm ấy nhà đò đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ cá dầm xanh, về những cái hầm cá hang cá mùa khô nổ những tiếng to như mìn bộc phá rồi cá tủa ra đầy tràn ruộng.”
 - Họ tiếp tục với cuộc sống sinh hoạt đời thường, hưởng thụ khoảnh khắc nghỉ ngơi một cách trọn vẹn. Không một ai bàn về cuộc chiến sinh tử vừa rồi, vì đó là cuộc sống hằng ngày của họ, **ngày nào cũng giành lấy cái sống từ tay những cái thác** nên **cũng không có gì là hồi hộp đáng nhớ**.
 - Thì ra, điều bất ngờ kia chỉ xuất hiện qua con mắt của những người ngoài như chúng ta - những người mà ngày đêm quen với nhịp sống êm đềm, yên bình.
 - Còn đối với **người lái đò**, người lao động Tây Bắc, quanh năm đối diện với **khắc nghiệt, dữ dội** thì công việc chúng ta thấy là phi thường nhưng trong mắt của người dân nơi đây lại là bình thường, **bởi đó là chuyện của mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm**. Xem cực nguy hiểm là cực bình thường - còn gì dũng cảm hơn thế nữa? Sự bình tĩnh của họ đã tạo nên một vẻ đẹp khiêm nhường, tự tin, một phong thái ung dung, tự tại giữa cuộc sống còn nhiều khó khăn.
- **Họ không coi thường chiến tích mà chỉ đơn thuần sống trong hoàn cảnh đó, người ta dần quen với những điều tưởng rất phi thường kia.**

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Qua nhân vật người lái đò trên sông Đà, Nguyễn Tuân đã khắc họa đậm nét bức chân dung của con người lao động với niềm hiên ngang, khí phách, oai hùng, kì vĩ, vừa tài hoa vừa hiền lành, dung dị trong cuộc sống nơi miền núi thẳm.

NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG NHÂN VẬT

- Tạo tình huống độc đáo để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình. (sông Đà hung bạo)
- Tập trung tô đậm nét tài hoa nghệ sĩ ở người lái đò
- Vận dụng tri thức đa ngành để khám phá phát hiện xây dựng hình tượng
- Sử dụng kho từ ngữ giàu có đầy cá tính, giàu chất tạo hình

NỘI DUNG TƯ TƯỞNG NHÂN VẬT TRUYỀN TẢI:

- Con sông thơ mộng và dữ dội đã trở thành dòng chảy huyền thoại, người lái đò vật lộn thác lũ đã trở thành **dũng sĩ – nghệ sĩ** nhờ ngòi bút tài hoa của nhà văn.
- Người lái đò trí dũng và tài hoa đã nổi bật trên dòng sông hung bạo và trữ tình, có khả năng chinh phục thiên nhiên, bắt nó phải phục vụ con người, xây dựng đất nước.
 - **Đó chính là chất vàng mười của con người Tây Bắc nói riêng và người lao động Việt Nam nói chung trong thời kì mới - thời kỳ hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng đất nước, xây dựng CNXH.**

Qua hình tượng này. Nguyễn Tuân muốn phát biểu quan niệm: người anh hùng không phải chỉ có trong chiến đấu mà còn có cả trong cuộc sống lao động thường ngày.

TỔNG HỢP - LIÊN HỆ.

NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC GIẢ - TÁC PHẨM.

1. Nguyễn Tuân xứng đáng được tôn vinh là nhà văn – nghệ sĩ một đời săn tìm, thể hiện và sáng tạo cái đẹp cho nghệ thuật. Đó là nhà Duy mỹ chân chính vì cái đẹp lý tưởng của Con Người trong cuộc đời đi lên theo ánh sáng văn minh hiện đại.

Bằng cuộc đời đẹp như hoa, Nguyễn Tuân đã hiến cho đời những **Trang hoa**, những **Tờ hoa** vì mãi mãi tương lai nghệ thuật...

2. Cái nhan đề **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ** ùa vào ta một liên tưởng kép: Nguyễn Tuân xưng tụng ông lái đò tài hoa trí dũng trên dòng sông thiên nhiên bạo liệt, còn ngôn ngữ Nguyễn Tuân lại hòa nhau xưng tụng tác giả của nó như một ông lái bậc thầy con thuyền chữ trên một dải sông văn không kém thác ghềnh. Bài ca lao động và bài ca ngôn từ song hành trong một áng kí lạ.

3. “...Nguyễn Tuân đã sáng tạo ra một con Sông Đà không phải là thiên nhiên vô tri, vô giác, mà là một sinh thể có hoạt động, có tính cách, cá tính, có tâm trạng hằn hoi và khá phức tạp. Nó có hai nét tính cách cơ bản đối lập nhau như tác giả nói - hung bạo và trữ tình...”

- Nguyễn Đăng Mạnh.

4. “... Đọc Người lái đò sông Đà, ta có ấn tượng rõ rệt về sự tự do của một tài năng, của một đấng hóa công thực sự trong nghệ thuật ngôn từ... Khi gân guốc, khi mềm mại, khi nghiêm nghị như một nhà bác học, khi hồn nhiên như một đứa trẻ thơ, những trang viết, những câu văn của Nguyễn Tuân mang hơi thở ấm nóng của cuộc đời phức tạp, phong phú, đa dạng.”

- Phan Huy Đông

LIÊN HỆ

1. PHONG CÁCH SÁNG TÁC.

Nguyễn Tuân quan niệm: **cái đẹp là những gì gây ấn tượng mạnh, đập mạnh vào giác quan nghệ sĩ**. Ông không thích cái gì bằng phẳng, nhợt nhạt, khuôn phép yên ổn. Ông là nhà văn của những tính cách độc đáo, của những tình cảm, cảm giác mãnh liệt, của những phong cảnh tuyệt mỹ, của gió, bão, núi cao, rừng thiêng, của thác ghềnh dữ dội...

a. TRƯỚC CMT8

- Nguyễn Tuân nổi tiếng với những tác phẩm viết về chủ đề **XÊ DỊCH (Một chuyến đi, Thiếu quê hương)**
 - **CHỦ NGHĨA XÊ DỊCH** vốn là một quan niệm sống của phương Tây, được du nhập vào Việt Nam khoảng đầu thế kỉ 20. Xê dịch là luôn luôn thay đổi, rất phù hợp với lý tưởng sống của tuổi trẻ, hoặc những người có lối sống tự do, thích khám phá.
 - Nguyễn Tuân đã tìm đến lý thuyết chủ nghĩa xê dịch này trong tâm trạng bất mãn và bất lực trước thời cuộc. Nhưng viết về nó, Nguyễn Tuân lại có dịp bày tỏ tấm lòng gắn bó tha thiết của ông đối với cảnh sắc và phong vị của đất nước mà ông đã ghi lại được bằng một ngòi bút đầy trau dồi, yêu thương và tài hoa (**Một chuyến đi**).
- Không những “xê dịch” trên khoảng không gian địa lí, NT còn thực hiện “xê dịch” vượt thời gian lịch sử. Không tin tưởng ở hiện tại và tương lai, NT đi tìm **VẺ ĐẸP CỦA QUÁ KHỨ CÒN “VANG BÓNG MỘT THỜI”**.
 - Đó là những phong tục đẹp, những thú tiêu dao hưởng lạc lành mạnh và tao nhã của người xưa: **uống trà, nhắm rượu, chơi hoa, chơi chữ đẹp, đánh thơ, thả thơ...**
 - Thế giới nhân vật mà ông dựng lên là những con người của thời vang bóng ấy – những nho sĩ cuối mùa đã trở nên lạc lõng với hiện tại:
 - Là cái say mê trước sự tỷ mỉ chăm chút cầu kỳ của người phải lòng trà, trót yêu hoa:

Chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy bao nhiêu công phu.

Những công phu đó đã trở nên lẽnghi, nếu trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy một chút mùi thơ và một tí triết lý và tâm lý.”

– Chén trà trong sương sớm.

- Là cụ Kép nguyên đem cả cái quãng đời xế chiều của một nhà nho để phụng sự hoa thơm cỏ quý (**Hương cuội**)

Cụ Kép thường nói với lớp bạn cũ rằng ... người chơi hoa nhiều khi phải lấy cái chí thành chí tình ra mà đối đãi với giống hoa cỏ không bao giờ biết lên tiếng. Như thế mới phải đạo, cái đạo của người tài tử.

- Là ông Huấn Cao có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp và có nhân cách cao vời, tuy đã thua cuộc nhưng không chịu làm lành với xã hội thực dân (**Chữ người tử tù**).
- NT cũng hay viết về **đề tài ĐỜI SỐNG TRUY LẠC**. Ở những tác phẩm này, người ta thường thấy có một nhân vật “tôi” hoang mang bế tắc. Trong tình trạng khủng hoảng tinh thần ấy, người ta thấy đôi khi vút lên từ cuộc đời nhem nhuốc, phàm tục niềm khao khát một thế giới tinh khiết, thanh cao (**Chiếc lư đồng mắt cua**).

“...Tâm nhìn làn khói mà hát, mắt long lanh tiếng hát có tinh thần và nhiều chữ mở, nhiều hơi mớm rất thần tình. Một giọng hát đẹp vào một trường hợp cảm động lúc năm đã hổ tàn hình như đủ gột hết khói người Tâm tất cả những bẩn thỉu chất vào kể từ lúc dấn thân và nghề.”

Cũng như các nhà văn khác thời kì này, Nguyễn Tuân chưa tìm thấy lý tưởng cách mạng và niềm tin hướng về tương lai. Ông đã rất nỗ lực vận động nhưng đành bất lực. Mỗi tác phẩm là một nỗi đau thương, quằn quại, bế tắc tột cùng, càng gắng gượng càng thấy mịt mù hơn.

→ Ông chủ trương xê dịch là để thoát khỏi cái hiện thực tối tăm, tìm kiếm một nguồn sống mới mẻ an dưỡng tinh thần.

b. Sau CMT8

- Nguyễn Tuân sớm hòa nhập với cuộc sống mới. Ông chân thành đem ngòi bút phục vụ cuộc chiến đấu của dân tộc, nhưng Nguyễn Tuân luôn có ý thức phục vụ trên cương vị của một nhà văn, đồng thời vẫn muốn phát huy cá tính và phong cách độc đáo của mình.
- Ông đã đóng góp cho nền văn học mới nhiều trang viết sắc sảo và đầy nghệ thuật ca ngợi quê hương đất nước (**Tùy bút Sông Đà**), ca ngợi nhân dân lao động trong chiến đấu và sản xuất (**Tùy bút kháng chiến, Hà Nội ta đánh Mỹ giỏi**).

2. CHUYỂN BIẾN TRONG QUAN NIỆM VỀ CÁI ĐẸP

a. Trước CMT8

- NT quan niệm: **cái đẹp đơn thuần là cái đẹp**. Ông đề cao cái đẹp một cách thuần túy, không vụ lợi.
- Khái niệm con người tài hoa, nghệ sĩ của Nguyễn Tuân không chỉ ở những người hoạt động nghệ thuật như nhà văn, nhà thơ, họa sĩ, điêu khắc, đào nương, kép hát,... mà cả ở những người không dính dáng gì đến nghệ thuật như uống trà, nhắm rượu, ăn phở, giã giò, thậm chí cả đao phủ, kẻ cắp,... miễn là trong nghề nghiệp của họ đạt đến sự tinh vi, siêu phàm.
- Ông tìm thấy vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ ở người Đao phủ trong truyện ngắn **BỮA RƯỢU MÁU**.

Bát Lê là người “có tài chém đầu người chỉ một nhát mà đầu vẫn dính vào cổ bằng lần da gáy”.

b. Sau cách mạng

- NT đã thay đổi quan niệm: cái đẹp phải đi kèm với cái có ích.
- Vẫn nhìn con người từ phương diện tài hoa nghệ sĩ nhưng bây giờ, NT cho rằng bất cứ người lao động nào khi đạt tới trình độ điêu luyện, giỏi giang trong công việc của mình đều có thể coi là nghệ sĩ và xứng đáng được tôn vinh ở vẻ đẹp tài hoa nghệ sĩ.

3. THƠ LIÊN HỆ:

“Tây Bắc ư, có riêng gì Tây Bắc
Khi lòng ta đã hoá những con tàu
Khi Tổ Quốc bốn bề lên tiếng hát
Tâm hồn ta là Tây Bắc chứ còn đâu.”

(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)

Trong những ngày tháng cả nước rộn ràng lên đường theo tiếng gọi của **tâm hồn Tây Bắc** để xây dựng lại một miền quê của Tổ Quốc, có biết bao nhà văn, nhà thơ đã thực hiện quá trình lột xác để đến với cách mạng. Một trong những nhà nghệ sĩ yêu nước ấy là Nguyễn Tuân, người đã mang lại những tờ hoa thơm thảo cho đời. Nguyễn Tuân đến với Tây Bắc qua tùy bút **Sông Đà**. **NGƯỜI LÁI ĐÒ SÔNG ĐÀ** được trích trong tập **Sông Đà** là một tác phẩm tùy bút đặc sắc in đậm hình ảnh con người lao động nghệ sĩ và hình ảnh thiên nhiên Tây Bắc vừa hung bạo, vừa trữ tình.